



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ KHẢO SÁT
Survey Technology & Trading Joint Stock Company

ĐC: 159 Phố Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội * Tel: 04. 3518. 3386 * Fax: 04. 3518.1524

E-mail: sujco@hn.vnn.vn

Website: www.sujcom.com

ISO 9001: 2000; ISO/ IEC 17025: 2005



HƯỚNG DẪN NHANH

SỬ DỤNG MÁY TOÀN ĐẠC LASER NPL-632

NIKON

Hà nội, 9-2008

GIỚI THIỆU

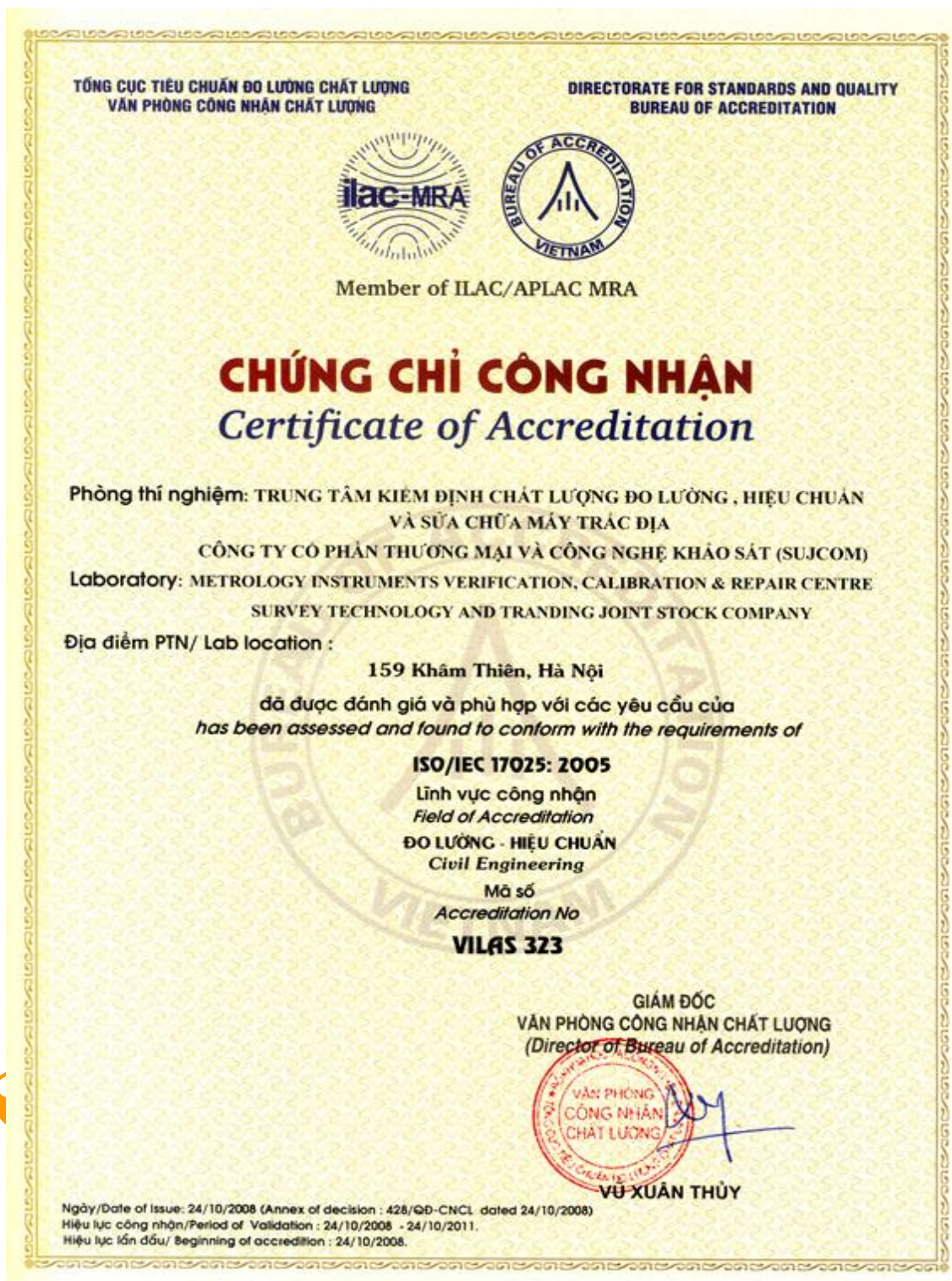
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN

VLAS 323

- * Phòng thí nghiệm đạt đầy đủ các chứng chỉ, là thành viên của tổ chức ILAC/ APLAC MRA.
- * Là Trung tâm Kiểm định – Hiệu chuẩn ngoài quốc doanh duy nhất tại miền Bắc.
- * Theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và ISO/IEC 17025:2005.

DỊCH VỤ

- Kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị đo đạc có giá trị toàn quốc.
- Giấy chứng nhận Kiểm định hiệu chuẩn có giá trị 01 năm kể từ ngày xác nhận.
- Thời gian hiệu chuẩn nhanh, chi phí hợp lý.



CERTIFICATE



Management System as per ISO 9001 : 2000

In accordance with TÜV CERT procedures, it is hereby certified that

SURVEY TECHNOLOGY & TRADING JOINT STOCK COMPANY

**No159 Kham Thien Street, Dong Da District,
Hanoi, Vietnam**

applies a management system in line with the above standard for the following
scope

Provision of Survey Instruments and After-sale Service

Certificate Registration No. **44 100 085191**

Audit Report No. 2.5-5711/2008

Valid until **2011-03-17**

Initial Certification 2008-03-18

TÜV CERT Certification Body
at TÜV NORD CERT GmbH

Bangkok, 2008-03-18

This certification was conducted in accordance with the TÜV CERT auditing and certification
procedures and is subject to regular surveillance audits.

TÜV NORD CERT GmbH Langemarkstrasse 20 D - 45141 Essen www.tuv-nord.com



TGA-ZM-30-95-00



VNA, FE5711, CA 0291--

1. Hướng dẫn sử dụng tài liệu

- Tài liệu này được biên soạn dựa theo bản tiếng Anh nhằm mục đích hướng dẫn nhanh cho người mới làm quen với máy toàn đạc laser NPL-632 Nikon.
- Từng phần trong tài liệu này được chỉ dẫn độc lập để tra cứu nhanh khi sử dụng.
- Một số thuật ngữ và khái niệm dùng trong tin học và công nghệ thông tin.
- Các chữ trắng nền đen là hiển thị trên màn hình.

2. An toàn và bảo quản máy

2.1 An toàn khi sử dụng

- Máy toàn đạc laser NPL-632 là loại máy laser cấp 1, không cần có thêm biện pháp an toàn khi vận hành sử dụng máy, nhưng cấm dọi tia ngắm (tia ngắm) vào mặt hay mắt người, khi không sử dụng nên đẩy nắp ống kính.
- Cầm nhìn qua ống kính trực tiếp vào mặt trời.
- Cầm dùng trong mỏ than, vùng có bụi than hoặc gần các chất bay hơi dễ cháy.
- Cầm tự ý thay đổi, sửa chữa các bộ phận máy khi không có chỉ dẫn chuyên ngành.
- Chỉ được phép dùng bộ nạp cấp kèm theo cho pin BC-80. Trong khi nạp phải để ở chỗ khô ráo, dễ quan sát và thoát hơi, thoát nhiệt tốt.
- Cầm để ngăn mạch các cực pin. Cầm chọc, đập hay đốt pin. Khi cất giữ pin phải xả hết và đẩy nắp che đầu cực.
- Mũi chân máy, sào gương rất sắc nhọn dễ gây tai nạn, phải cẩn thận khi sử dụng.
- Kiểm tra tình trạng quai đeo, khóa, bản lề trước khi cất máy vào hòm.
- Kiểm tra tình trạng các ốc khóa chân máy trước khi lắp máy lên.
- Ren đế máy là 5/8", kiểm tra đầu ren ốc gắn máy.
- Cầm vác chân máy di chuyển trạm khi có máy đang lắp trên chân.
- Cầm dùng hòm máy làm vật kê chân hay ghế đứng, ngồi.
- Đọc cẩn thận hướng dẫn sử dụng bộ nạp.




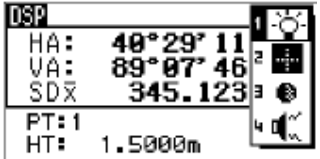

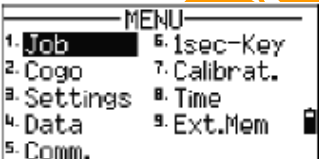



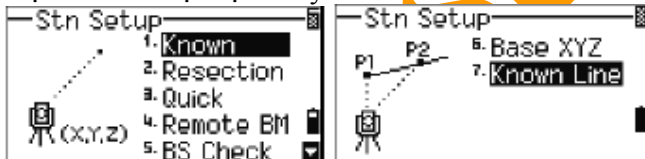
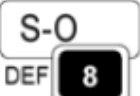
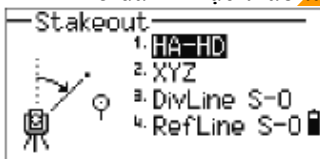




2.2 Bảo quản máy


- Cầm để máy phơi trực tiếp dưới nắng hay trong xe cộ đóng kín.
- Sau khi dùng trong thời tiết độ ẩm cao hay mưa nhỏ, phải lau chùi kỹ, làm khô máy rồi mới cất vào hòm.
- Cất giữ bảo quản máy ở nơi khô ráo, thoáng khí có nhiệt độ không quá 30°C.
- Các phím bấm và núm khóa, núm vi động, ốc cân máy rất nhạy cảm, cầm thao tác mạnh và đột ngột
- Bao giờ cũng đẩy nắp che ống kính và để máy vào hòm đúng theo chỉ dẫn.
- Cầm dùng các chất tẩy rửa để lau chùi vệ sinh máy.
- Vệ sinh kính mắt, kính dọi tâm và ống kính bằng vải bông thấm cồn.
- Cầm để mở hòm máy dưới trời mưa hay nơi bụi bặm.
- Khi loại bỏ pin BC-80 phải làm đúng theo qui định vệ sinh môi trường.


3. Màn hình, bàn phím và chức năng các phím




Chức năng các phím cứng

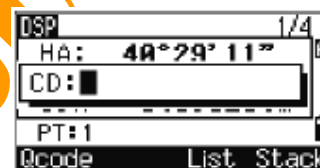
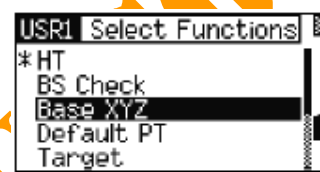
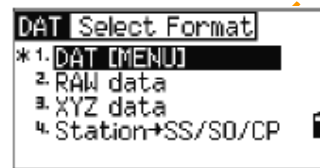
-  **bật đóng/ tắt nguồn** 
-  **bật đóng/ tắt đèn chiếu sáng màn hình. Khi ấn giữ 1s bật ra cửa sổ danh mục đặt chế độ chiếu sáng thị cự, đèn hồng ngoại và tín hiệu âm thanh** 
-  **mở danh mục phần mềm điều khiển máy** 
-  **bật chuyển chế độ sử dụng phím bấm nhập ký tự giữa chữ và số** 
-  **mở danh mục thao tác đặt trạm máy** 
-  **mở danh mục thao tác đo (cắm điểm, đưa tọa độ thiết kế ra thực địa) tìm điểm ngoài thực địa** 
-  **mở danh mục thao tác đo các điểm khuất** 
-  **mở danh mục thao tác đo ứng dụng** 


-  bật đóng/ tắt đèn công tác hồng ngoại

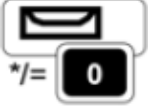
-  + mở danh sách bản ghi việc hiện hành trong khi đo ;

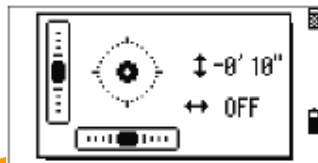
+ ấn giữ 1s mở danh mục quản lý số liệu trong bộ nhớ

-  phím nóng được ngàm định chức năng do người sử dụng tự chọn, ấn giữ 1s bật ra cửa sổ chọn

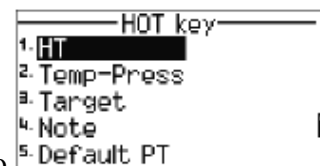



-  ấn mở cửa sổ nhập mã địa hình trong khi đo

-  bật đóng/ tắt màn hình bọt thủy điện tử, dùng phím mũi tên thay đổi chế độ bù cho các phương đứng/ngang



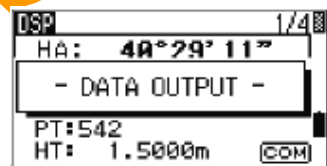
-  ấn giữ 1s mở danh mục thay đổi các điều kiện đo








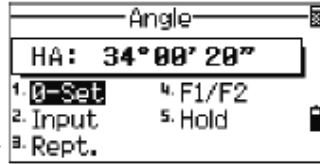


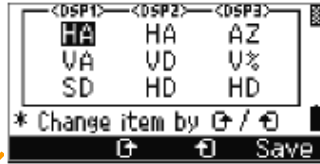


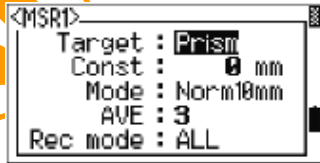

-  chấp nhận kết quả đo, hiển thị/ ghi dữ liệu vào bộ nhớ.

+ Trong khi đo, nếu ấn 1s ENT bật ra cửa sổ chọn kiểu bản ghi kết quả đo vào bộ nhớ dạng SS điểm ngắm đo, hay CP điểm được tính .

+ Trong khi đo nó xuất trực tiếp kết quả sang sổ tay hay máy tính nếu đã cài đặt ghi qua cổng COM



-  di chuyển vị trí con trỏ trên màn hình theo phím tương ứng.

-   ấn giữ 1s mở chức năng kiểm tra hướng chuẩn trong khi đo
 -    ấn giữ 1s mở danh mục thao tác đo chế độ kinh vĩ
 -    lật các trang màn hình hiển thị, ấn giữ 1s hiện cửa sổ chọn thông số hiển thị trên các trang màn hình
 -    thao tác đo điểm, chức năng đo thô, tính đo người sử dụng chọn, ấn giữ 1s bật ra cửa sổ chọn điều kiện đo
 -  thoát màn hình hay chức năng đang thực hiện, bỏ kết quả đo không ghi vào bộ nhớ.
- Ngoài các phím này, dòng đáy màn hình còn hiển thị các phím mềm điều khiển tùy theo mục. Để sử dụng chức năng phím mềm, bấm vào phím cứng có vị trí tương ứng.

Trên màn hình còn hiển thị

- Số trang/ tổng số của mục hiện thời
- Cửa sổ kết quả đo, soạn thảo
- Mức tín hiệu gương
- Mức nguồn pin
- Mức chiếu sáng thị cự
- Chế độ làm việc của bàn phím là nhập chữ hay số
- Đèn hồng ngoại đóng/tắt

Thẻ nhớ CF và USB

Máy DTM-652 Nikon có thẻ nhớ (tùy chọn) được cắm vào máy ở ổ chứa bên thân. Dùng núm xoay như hình minh hoạ để thao tác đóng/ mở nắp ổ chứa.

Chú ý vị trí núm thẳng đứng là mở, nằm ngang là khoá. Khi xoay núm phải hơi đẩy vào tránh để vướng kẹt dẫn đến làm gãy khoá cài.



4. Chuẩn bị máy để làm việc

4.1 Khởi động, kiểm tra, nạp pin

4.1.1 Khởi động, tắt máy

Ấn PWR bật máy, màn hình hiển thị câu nhắc nghiêng ống kính và thông báo trị số nhiệt độ và áp suất hiện thời, kèm theo ngày giờ ở đồng hồ.

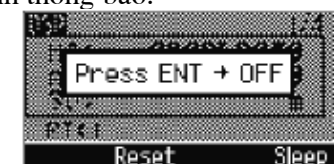
Lúc này nếu:

- Nghiêng ống kính qua mặt phẳng ngang sẽ xuất hiện màn hình đo chính
- Có thể thay đổi trị số nhiệt độ và áp suất, xem mục 4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy.

- Quay thân máy hiển thị lại trị số góc ngang trước khi tắt máy, màn hình thông báo:

Để tắt máy, ấn PWR, màn hình mờ đi, xuất hiện cửa sổ xác nhận, ấn ENT máy sẽ tắt. Display xuất hiện hai phím mềm:

- **Reset** nghĩa là khởi động lại máy



- **Sleep** nghĩa là đưa máy vào chế độ chờ . Khi quay ống kính hoặc thân máy, hoặc ấn một phím bất kỳ máy sẽ quay lại chế độ làm việc hiện thời.

4.1.2 Kiểm tra máy

Máy toàn đạc là một dụng cụ đo lường chính xác cao, nên trước khi đem ra sử dụng phải kiểm tra lại độ chính xác vận hành. Theo qui định hiện hành của Pháp lệnh đo lường, cứ 6 tháng phải đem máy đến cơ sở có chuyên môn để kiểm tra và hiệu chuẩn. Theo khuyến cáo của nhà sản xuất, để đảm bảo độ chính xác vận hành và tuổi thọ cứ 12 tháng phải đem máy đến cơ sở có chuyên môn để bảo dưỡng định kỳ.

Tuần tự thao tác kiểm tra như sau:

- Kiểm tra bọt thủy tròn và bọt thủy dài, nếu lệch dùng tam chỉnh
- Kiểm tra kính dọi tâm, nếu lệch dùng chìa lục lăng chỉnh
- Kiểm tra đo góc theo cách đo hai mặt tới hai điểm, nếu sai lệch quá 3" gửi tới cơ sở có chuyên môn hiệu chỉnh.
- Kiểm tra đo khoảng cách bằng cách đo hai mặt với ba điểm trên một đường thẳng dài hơn 100m, nếu kết quả đo sau hai lần đặt trạm quá 3mm, gửi tới cơ sở có chuyên môn hiệu chỉnh. (Cách đo: trạm đầu (điểm 1), ghi khoảng cách HD_{1-3} ; trạm hai (điểm 2, nằm giữa 1-3) ghi khoảng cách HD_{2-1}, HD_{2-3} ; so sánh kết quả giữa HD_{1-3} với tổng $HD_{2-1} + HD_{2-3}$).

4.1.3 Nạp pin

Cắm phích bộ nạp vào ổ nguồn 220V, đèn báo nạp sáng, khi nạp đầy đèn tự tắt. Trường hợp đèn không sáng, hay nháy liên tục khi cắm nạp là có sự cố, rút phích cắm, gửi ngay tới cơ sở có chuyên môn khắc phục. Xem thêm hướng dẫn sử dụng bộ nạp.

4.2 Chuẩn bị phụ kiện và dụng cụ làm việc ngoài hiện trường

Tùy theo yêu cầu công việc mà chuẩn bị các phụ kiện, dụng cụ sử dụng:

- Đo chi tiết, tối thiểu cần có: gương sào kèm bọt thủy tròn, thước dây 2m, địa bàn cầm tay nếu cần. Nếu tuyến đo dài, khi chuyển trạm cần có bộ để dọi tâm quang học với cụm gương tương ứng cự li đo, kèm bọt thủy.
- Đo kiểm tra, địa chính, lắp đặt và chế tạo cơ khí ngoài các dụng cụ trên, cần có thêm la bàn ống, nhiệt kế, áp kế cầm tay.
- Khi đo dài ngày ở nơi khó khăn, chuẩn bị thêm pin đã nạp đầy, thẻ nhớ CF hay USB, máy tính điện tử hay sổ tay điện tử để trữ dữ liệu.


Chú ý kết quả cao độ trong máy toàn đạc chỉ là dữ kiện tham khảo, không được phép dùng nó thay cho kết quả đo cao bằng thủy chuẩn.

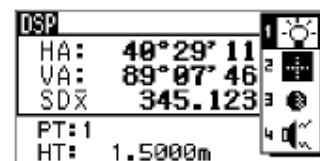
4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy

- Ấn PWR bật máy, khi màn hình đầu tiên xuất hiện, nếu chưa lắp ống kính vào màn hình đo chính, có thể nhập nhiệt độ và áp suất tại đây bằng cách dùng phím mũi tên lên/ xuống đưa con trỏ tới mục thay đổi, ấn ENT, con trỏ trườn lên trường số liệu, gõ số nhập tương ứng.
- Máy có thể chọn ngôn ngữ hiển thị và chọn đặt vùng làm việc khác, ở đây nhà cung cấp đã chọn đặt sẵn tiếng Anh và vùng Quốc tế.

4.3.1 Cài đặt chế độ vận hành bằng các phím bấm giữ 1s

Thao tác chọn đặt bằng phím số tương ứng và các phím mũi tên di chuyển con trỏ theo mục, rồi ấn ENT xác nhận việc chọn.

-  mở cửa sổ bốn mục chọn đặt: đóng/ tắt đèn chiếu sáng màn hình (ấn 1), chế độ chiếu sáng thị cự (ấn 2), đóng/ tắt đèn hồng ngoại (ấn 3) và đóng/ tắt tín hiệu âm thanh (ấn 4)



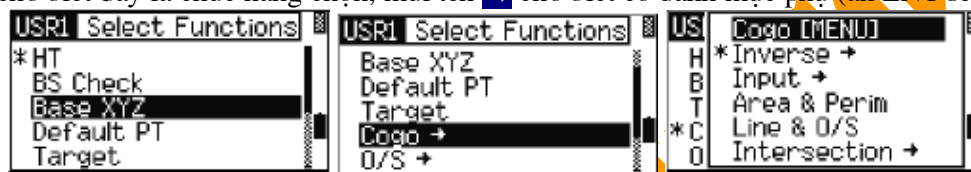
Sau bốn mục này, ấn phím mũi tên phải/ trái mở thanh chỉnh độ tương phản màn hình, dùng phím mũi tên lên/ xuống thay đổi.

LG
MNO **5**

- bật đóng/ tắt đèn công tác hồng ngoại trên các màn hình đo.

USR **1** **USR** **2**
STU **1** VWX **2**

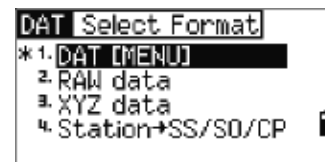
- chọn ngấm định chức năng hay sử dụng: dấu hoa thị * cho biết đây là chức năng chọn, mũi tên → cho biết có danh mục phụ (ấn ENT sẽ mở ra).



Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6.1sec-keys→3.[USR]→1.USR1/ 2.USR2

DAT
PQR **6**

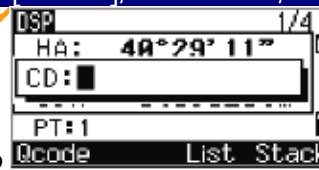
- chọn dạng bản ghi dữ liệu hiển thị khi xem: danh mục đủ/ góc, cạnh/ tọa độ/ bản ghi theo trạm máy



Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6.1sec-keys→5.[DAT]→1.DAT [MENU]/2.RAW data/3.XYZ data/ 4.Station→SS/SO/CP

COD
YZ **3**

- bật cửa sổ nhập mã trực tiếp **Qcode** cho phép ngấm định 10 mã ứng với các phím số từ 0 tới 9, **List** mở danh mục mã, **Stack** mở danh mục nhóm mã.

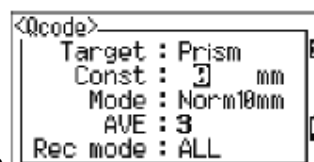


Khi ấn MSR1 chọn chức năng **Qcode**, đây màn hình có ba phím mềm:

- + **Edit** soạn thảo mã
- + **DSP** lật trang cửa sổ đo

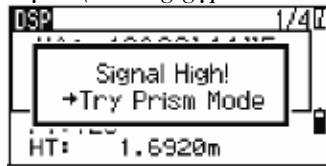


- + **Sett** đặt các điều kiện đo ở đây: loại tiêu **Target**, hàng số gương **Const**, chế độ đo **Mode**, số lần phản xạ đo **AVE**, cách ghi dữ liệu **Rec mode**.

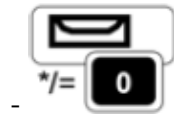


Chú ý: khi đặt phím đo MSR1/MSR2 ở chế độ **ALL** nghĩa là một lần bấm đồng thời đo và ghi kết quả vào bộ nhớ, chỉ sử dụng khi đã thành thạo cách vận hành máy.

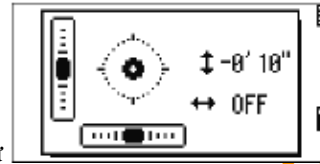
Chú ý máy toàn đạc laser khi đặt ở chế độ đo không gương (N-Prism) nếu đo tới bề mặt phản xạ quá mạnh (thường gặp khi đo cự ly gần và tia ngắm vuông góc với bề mặt) có thể xuất hiện màn hình báo



Chuyển đặt lại phím đo sang chế độ đo gương (Prism).



- xuất hiện màn hiển thị bọt thủy điện tử



Dùng các phím mũi tên lên/xuống di chuyển con trỏ tới mục cài đặt, phải/trái thay đổi chế độ đặt đồng/tắt cảm ứng bù nghiêng trực.



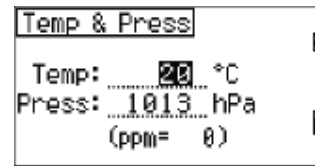
- mở danh mục thay đổi các điều kiện đo



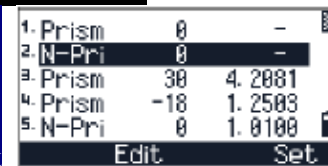
+ Nhập chiều cao gương **1.HT**



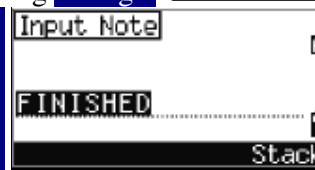
+ Nhập nhiệt độ-áp suất **2.Temp-Press**



+ Nhập hằng số và chiều cao tới 5 loại gương **3.Target**

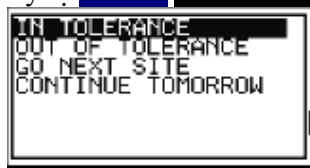


+ Nhập bản chú thích tới 50 ký tự **4.Note**



(phím mềm **Stack** xem

danh sách bản ghi chú đã nhập cũ)



+ Sửa hay đánh số hiệu điểm (tự động) **5.Default PT** (phím mềm **List** và **Stack** xem liệt kê tên đã nhập cũ)

- **DSP** thay đổi các thông số hiển thị từng màn hình, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ, dùng phím mềm tua tiến hay lùi để chọn thông số, kết thúc ấn phím mềm **Save**.
 Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6.1sec-keys→2.[DSP]→thao tác chọn như trên.

- **MSR1** **MSR2** chọn chế độ đo cho từng phím, ở đây: loại tiêu **Target**, hằng số gương **Const**, chế độ đo **Mode**, số lần phản xạ đo **AVE**, cách ghi dữ liệu **Rec mode**.
 Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6. 1sec-keys→1.[MSR]→1.MSR1/2.MSR2

4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển

Sau khi ấn PWR bật máy, ấn phím MENU, ấn phím 3 hay dùng phím di chuyển con trỏ và ENT chọn

3.Setting, màn hình xuất hiện 9 mục cài đặt để chọn hay di chuyển con trỏ rồi ấn ENT.

Chú ý: khi tham số làm việc thay đổi so với cũ, màn hình xuất hiện câu hỏi xác nhận .

Màn hình xuất hiện các đồng mục cài đặt, dùng phím mũi tên lên/xuống chọn mục, rồi dùng phím mũi tên phải/trái chọn tham số làm việc.

1.Angle

- Điểm 0 bàn độ đứng **VA zero**: phương thiên đỉnh/ nằm ngang/ đối xứng **Zenith/ Horizon/ Compass**

- Góc hiển thị nhỏ nhất **Resolution**: 1"/ 5"/ 10" hay 0.2mgon/1mgon/ 2mgon

Chú ý riêng máy DTM-552 hiển thị 0.5"/ 1"/ 5" hay 0.1mgon/0.2mgon/ 1mgon

- Chỉnh góc bằng **HA corr**: đóng/tắt **ON/ OFF**

Chú ý khi chọn đóng ON, các cảm biến bù nghiêng trục ngang và phương nằm ngang cho kết quả đo mới làm việc.

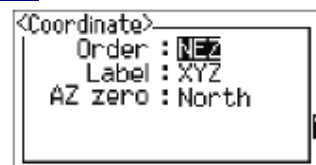
- Hướng hiển thị góc ngang **HA**: góc phương vĩ/ góc kẹp tính từ điểm hướng chuẩn **Azimuth/ 0 to BS**

2.Distance

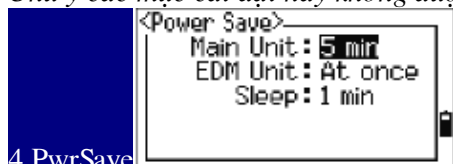
- Thang đo **Scale**: hệ số chuyển đổi sang thang đo UTM, mặc định **1.000000** (có thể thay đổi từ **0.999600** tới **1.000400**).
- Bù nhiệt độ và áp suất môi trường **T-P corr**: đóng/ tắt **ON/ OFF**
- Lấy cao độ theo mực nước biển **Sea Level**: đóng/ tắt **ON/ OFF**
- Bù độ cong và khúc xạ **C&R corr**: tắt/ 0,132/ 0,200 **OFF/ 0.132/ 0.200**

3.Coord.

- Trật tự hiển thị các trục tọa độ **Order**: **NEZ/ ENZ**
- Ký hiệu hiển thị các trục tọa độ **Label**: **XYZ/ YXZ/ NEZ (ENZ)**
- Hướng điểm 0 góc phương vị **AZ zero**: bắc/ nam **North/ South**



Chú ý các mục cài đặt này không được thay đổi trong cùng một việc.



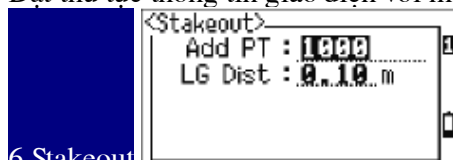
4.PwrSave

- Tắt nguồn máy **Main Unit**: tắt bằng phím PWR/ tự tắt sau 5/10/30 phút khi không thao tác bàn phím. **OFF/ 5min/ 10min/ 30min**.
- Tắt nguồn khối đo xa **EDM Unit**: tắt sau khi ấn phím đo MSR/ tự tắt sau 0,1/0,5/3/10 phút không ấn phím đo MSR. **OFF/ 0.1min/ 0.5min/ 3min/ 10min**.
- Chuyển màn hình sang chế độ chờ để tiết kiệm nguồn **Sleep**: không chờ/ chờ sau 1/3/5 phút không thao tác bàn phím. **OFF/ 1min/ 3min/ 5min**



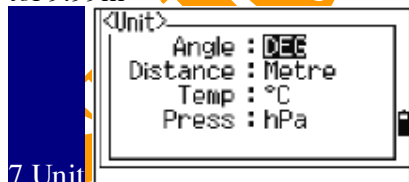
5.Comm.

Đặt thủ tục thông tin giao diện với máy tính hay sổ tay điện tử.



6.Stakeout

- Tự động thêm chuỗi số cho điểm đo đưa ra thực địa **Add PT**: tùy nhập trong phạm vi từ 0,1 tới 999.999
- Phạm vi nhảy đèn hồng ngoại khi tìm điểm đưa ra thực địa **LG Dist**: tùy nhập trong phạm vi từ 0,1 tới 9.99m



7.Unit

- Chọn đơn vị hiển thị góc **Angle**: độ/gon/Mil(Mil6400). **DEG/GON/MIL(MIL6400)**
- Chọn đơn vị hiển thị khoảng cách **Distance**: mét/ feet Mỹ/ feet quốc tế. **Meter/ US-Ft/ I-Ft**

Chú ý khi chọn đơn vị là feet, hiện cửa sổ chọn cách hiển thị số lẻ bằng dấu chấm hay inch: **Decimal-**

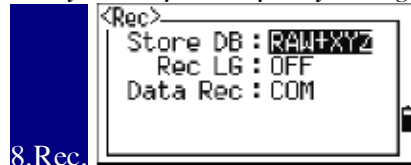


Ft/ Ft-Inch

- Chọn đơn vị hiển thị nhiệt độ môi trường **Temp**: độ Cenxiut/ Kenvin **°C/ °K**

- Chọn đơn vị hiển thị áp suất khí quyển **Press**: hecto Pascal/ milimét cột thủy ngân/ inch cột thủy ngân. **hPa/ mmHg/ inHg**

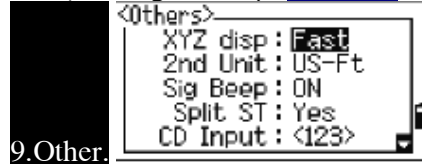
Chú ý các mục cài đặt này không được thay đổi trong cùng một việc.



- Chọn cách ghi dữ liệu vào bộ nhớ **Store DB**: dữ liệu gốc, cạnh/ tọa độ/ cả hai. **RAW/ XYZ/ RAW+XYZ**

- Chọn chế độ nhảy đèn hồng ngoại khi ghi điểm đo vào bộ nhớ **Rec LG**: đóng/ tắt **ON/ OFF**

- Chọn chỗ ghi dữ liệu **Data Rec**: bộ nhớ trong máy/ sổ tay điện tử **Internal/ COM.**



- Tốc độ chuyển màn hình tọa độ **XYZ disp**: nhanh/ bình thường/ chậm/ ấn phím ENT. **Fast/ Norm/ Slow/ +ENT**

- Đơn vị đo khoảng cách thứ cấp **2nd Unit**: không đặt/ mét/ feet Mỹ/ feet quốc tế. **None/ Meter/ US-Ft/ I-Ft**

Chú ý khi chọn đơn vị là feet, hiện của sổ chọn cách hiển thị số lẻ bằng dấu chấm hay inch: **Decimal- Ft/ Ft-Inch**

- Tín hiệu âm thanh **Sig Beep**: đóng/ tắt **ON/ OFF**

- Tách riêng cách đánh số tự động trạm máy **Split ST**: có/ không **Yes/ No.**

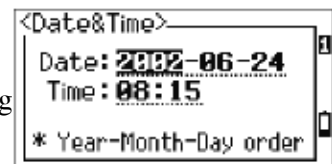
Chú ý khi chọn có **Yes**, xuất hiện của sổ để tùy nhập số khởi đầu **Start PT**

- Ký tự chờ nhập mã địa hình **CD Input**: chữ hoặc số **<ABC>/ <123>**

- Nhập tên chủ quản sử dụng máy hiển thị khi bật máy **Owner's Detail**: tối đa 20 ký tự, ấn ENT nhớ vào máy.

4.3.3 Đặt đồng hồ trong máy

Ấn PWR bật máy, ấn phím MENU, ấn phím 8 hay dùng phím di chuyển con trỏ và ENT chọn **8.Time**, màn hình xuất hiện thời gian hiện tại, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ, nhập thời gian, ấn ENT.



4.4 Chuẩn bị công việc trên máy để thao tác ngoài hiện trường

Để tiết kiệm thời gian ngoài hiện trường, có một số bước có thể thao tác chuẩn bị trước. Nội dung công việc dự kiến có thể thao tác nhập trực tiếp bằng tay, hay nhập từ máy tính.

Bật máy PWR, ấn MENU mở danh mục phần mềm điều khiển

A. Chuẩn bị công việc: chọn quản lý công việc **1.Job**. Màn hình hiển thị tên các công việc có trong bộ nhớ, tối đa 32 tên việc và đây có bốn phím mềm: nhập tên **Creat**, xóa tên **DEL**, tạo tên việc kiểm tra **Ctrl** và xem thông tin việc **Info**. Dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ và phím cứng tương ứng với phím mềm để thao tác.

Chú ý:

- Dấu hoa thị ***** đứng trước cho biết đây là việc hiện thời

- Dấu chấm than **!** đứng trước cho biết có tham số cài đặt cho nó khác với tham số hiện thời

- Dấu **@** đứng sau cho biết nó là việc dùng để kiểm tra (hay dùng trong một dự án)

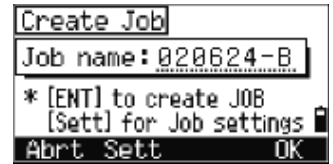
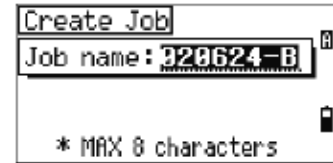


- Dấu chấm hỏi ? ở ký tự đầu tiên cho biết nó được tạo bởi phần mềm điều khiển phiên bản cũ, tên này không thể mở mà chỉ có thể xóa.

4.4.1 Tạo công việc **Creat**

Ấn phím MSR1 ứng với **Creat**, hiện thị khung cửa sổ nhập tên nhập không quá 8 ký tự chữ, số hoặc dấu gạch ngang. Màn hình hiện câu nhắc kèm ba phím mềm ở đáy:

- Ấn phím ESC chọn **Abt** bỏ qua tên vừa nhập
- Ấn phím MSR2 chọn **Sett** vào ba màn hình đặt tham số đo, sử dụng các phím mũi tên thao tác, xem mục 4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy.
- Ấn ENT hay ANG ứng với **OK** xác nhận tên việc.

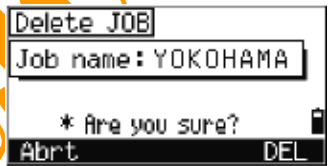


4.4.2 Xóa công việc **DEL**

Chú ý chọn chức năng này là xóa toàn bộ các bản ghi điểm trong công việc.

Ấn phím MSR2 ứng với **DEL**, hiện thị khung cửa sổ tên đem xóa kèm theo câu xác nhận và hai phím mềm:

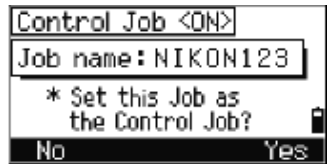
- Ấn phím ESC chọn **Abt** bỏ qua không xóa tên
- Ấn ENT hay ANG ứng với **DEL** xác nhận xóa việc, màn hình cửa sổ báo đang tiến hành xóa **-Deleting Job-**, khi xóa xong nó quay về màn hình danh sách công việc.



4.4.3 Tạo việc kiểm tra **Ctrl**

Ấn phím DSP ứng với **Ctrl**, hiện thị khung cửa sổ tên kèm theo câu hỏi xác nhận và hai phím mềm:

- Ấn phím ESC chọn **No** không đặt
- Ấn phím DSP chọn **Yes** đặt việc ở chế độ kiểm tra. Nghĩa là các điểm trong công việc này khi ra hiện trường có thể truy nhập dùng cho các công việc khác vì máy tự động sao chép dữ liệu của nó sang việc hiện thời.

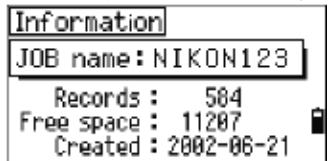


Chú ý chỉ cho phép tồn tại 1 việc có chức năng kiểm tra, khi bộ nhớ đã có sẵn việc kiểm tra mang tên khác thì phải xóa nó đi.

4.4.4 Xem thông tin việc **Info**

Ấn phím ANG ứng với **Info**, hiện thị khung cửa sổ tên .

Màn hình xuất hiện các dòng tin tóm tắt nội dung công việc trong bộ nhớ: số lượng bản ghi **Records**, dung lượng trống **Free space**, ngày tạo ra công việc **Created**.



B. Làm xong bước A

đưa con trỏ đến tên việc, rồi ấn ENT để lấy nó ra (xuất hiện dấu hoa thị * phía trước tên công việc). Nhập điểm trực tiếp bằng tay vào việc hiện thời: có hai cách chọn MENU→

4.Data hay ấn phím DAT

Màn hình hiển thị năm mục danh sách bản ghi quản lý số liệu: góc, cạnh 1.RAW data; tọa độ 2.XYZ data; đặt trạm 3.ST→SS/SO/CP; tên điểm 4.PT name List và mã địa hình 5.Code List (có phân lớp).



4.4.5 Nhập tọa độ điểm 2. XYZ data

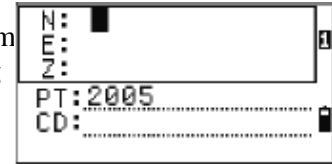
Đáy màn hình hiển thị bốn phím mềm: xóa **DEL**, sửa **Edit**, tìm **Srch** và nhập **Input**.

Ấn ANG ứng với **Input**, xuất hiện cửa sổ nhập, dùng các phím di chuyển con trỏ tuần tự nhập trị số tọa độ **XYZ**, tên **PT**, mã địa hình **CD**. Kết thúc ấn ENT, nếu nhập sai thì chọn ESC bỏ qua quay về nhập



lại.

Khi điểm đã được ghi trong bộ nhớ, có thể xóa, sửa giá trị và tìm tự động bằng các phím mềm. Riêng chức năng tìm tự động có thể dùng ký tự hoa thị * để tăng tốc độ hoặc khi không nhớ chính xác tên điểm.



B.1 Ngoài ra các phím mềm chức năng khác có ý nghĩa như sau:

4.4.6 Xem bản ghi ấn ENT khi con trỏ trườn lên tên một bản ghi trong danh sách

4.4.7 Sửa bản ghi ấn phím mềm **Edit** khi con trỏ trườn lên tên một bản ghi

4.4.8 Lật trang của sổ bản ghi ấn phím mềm **DSP**

4.4.9 Tìm bản ghi tự động ấn phím mềm **Srch** nhập tên và có thể dùng kèm dấu hoa thị *

4.4.10 Xóa bản ghi ấn phím mềm **DEL**

4.4.11 Chèn bản ghi bằng phím mềm **Add**, tạo lớp bản ghi bằng phím mềm **Layer** trong danh sách tên điểm và mã địa hình.

Chú ý tùy theo thao tác đang thực hiện, màn hình sẽ có những câu nhắc, câu hỏi xác nhận để tránh nhầm lẫn.

4.5 Khi máy dùng thẻ nhớ CF hay USB

Ấn MENU, chọn **9.Ext.Mem** để máy đọc các tệp file hiện có



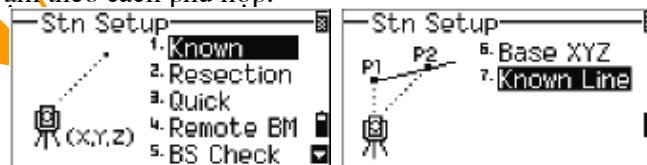
Các phím mềm: **Rnam** thay tên, **DEL** xóa file Job, **DSP** lật trang hiển thị, **FILE** danh sách file kèm theo đuôi, **JOB** danh sách file công việc. Di chuyển con trỏ bằng phím mũi tên chỉ lên/ xuống, chọn file bằng phím ENT.



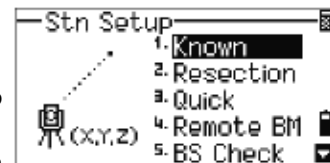
Khi muốn chép file Job từ thẻ nhớ vào máy, ấn phím MENU, ấn phím 1

5. Thao tác đặt trạm, chuyển trạm máy

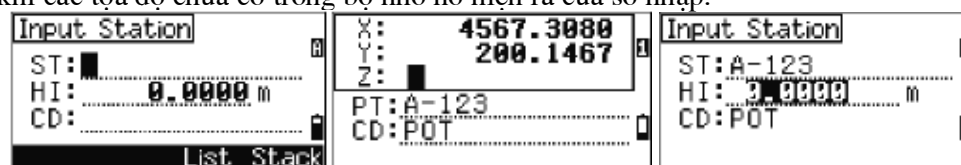
Sau các bước chuẩn bị công việc, cài đặt máy, bật máy PWR, ấn phím STN, hai trang màn hình hiển thị bảy danh mục. Dùng các phím số tương ứng hay phím mũi tên di chuyển con trỏ, ấn ENT vào thao tác đặt trạm theo cách phù hợp.



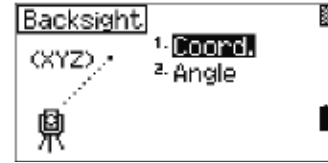
5.1 Đặt trạm trên điểm biết tọa độ hay góc phương vị chọn 1.Known



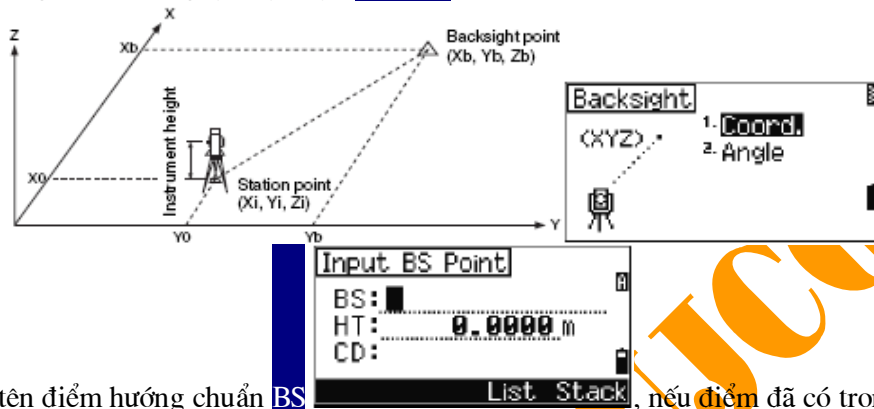
Cửa sổ nhập điểm trạm hiển thị, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ và phím ENT, tuần tự nhập tên điểm **ST**, chiều cao máy (đo bằng thước dây từ điểm đặt trạm máy trên nền tới dấu tâm máy) **HI**, mã địa hình **CD**, khi các tọa độ chưa có trong bộ nhớ nó hiện ra cửa sổ nhập.



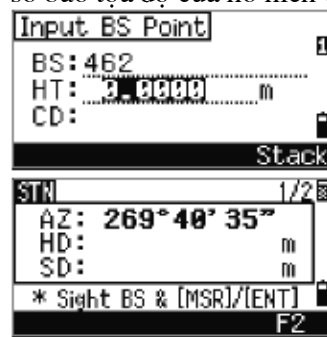
Tiếp đó hiển thị cửa sổ nhập điểm hướng chuẩn BS, có hai cách chọn: điểm hướng chuẩn dùng tọa độ **1.Coord**, góc phương vị tới điểm hướng chuẩn đã biết **2.Angle**



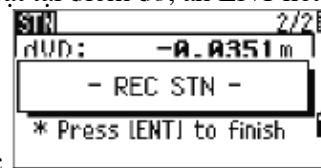
5.1.1 Điểm hướng chuẩn dùng tọa độ chọn **1.Coord**



Sau khi nhập tên điểm hướng chuẩn **BS**, nếu điểm đã có trong bộ nhớ của sổ báo tọa độ của nó hiển thị, nếu chưa có xuất hiện cửa sổ nhập. Nhập chiều cao gương **HT**



ngắm vào gương đặt tại điểm đó, ấn ENT kết thúc việc đặt trạm

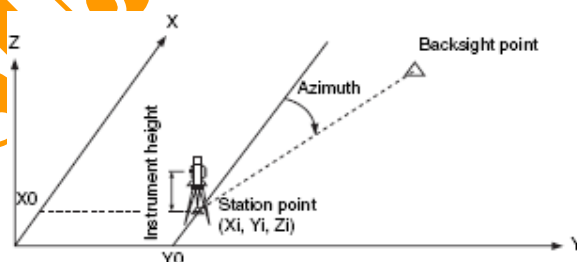


(có thông báo nhắc xuất hiện).

Nên ấn MSR1/MSR2 là thực hiện đo để kiểm tra độ chính xác đặt trạm và bổ sung trị số góc, cạnh; dùng phím mềm **F2** để đo hai mặt tới gương đặt ở điểm đó, màn hình báo sai lệch giữa kết quả tính và kết quả đo, nếu sai lệch nhỏ ấn ENT kết thúc đặt trạm (có thông báo nhắc xuất hiện **-REC STN-**).

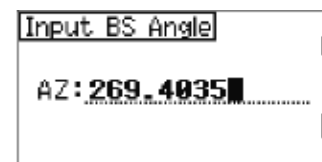
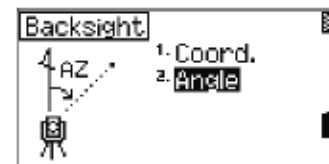
Nên dùng bộ đế dọi tâm, có bọt thủy đặt gương ở điểm hướng chuẩn và thực hiện đo hai mặt để tăng độ chính xác đặt trạm.

5.1.2 Biết góc phương vị tới hướng chuẩn chọn **2.Angle**



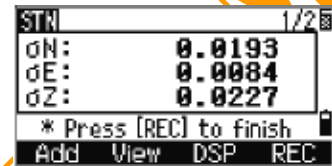
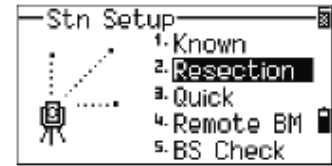
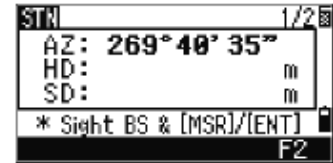
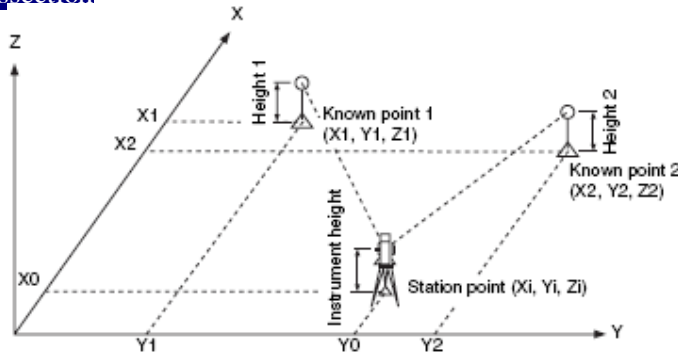
Sau khi nhập tên điểm hướng chuẩn **BS**, nhập chiều cao gương

HT, nhập trị số góc phương vị **AZ**, ngắm vào gương đặt tại nó và ấn ENT kết thúc (thông báo nhắc xuất hiện **-REC STN-**). Nếu không nhập trị số, mặc định AZ nhận giá trị 0. Nếu ấn



MSR1/MSR2 thực hiện đo cho kết quả sai lệch giữa tính và đo.

5.2 Đặt trạm bằng cách đo giao hội để tính tọa độ điểm trạm chọn 2.Resection



Số điểm đo có tọa độ tối thiểu là 2, tối đa là 10. Dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT, tuân tự nhập tên điểm **PT** đặt gương, cửa sổ báo tọa độ điểm xuất hiện, nhập chiều cao gương **HT**, ấn MSR1/MSR2 đo. Sau khi đo điểm thứ hai, đáy màn hình hiển thị bốn phím mềm : ngấm đo thêm điểm **Add**, xem kết quả đo giao hội **View** (trong màn hình này, dòng đáy xuất hiện phím mềm xóa kết quả **DEL**), lật trang cửa sổ kết quả đo **DSP**, ghi vào bộ nhớ **REC**. Khi lấy kết quả tính cho trị số sai lệch nhỏ, ấn ENT kết thúc tính tọa độ điểm đặt trạm. Màn hình khai báo đặt trạm xuất hiện, nhập tên trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, mã địa hình **CD**, nhập tên điểm hướng chuẩn **BS** (phím mềm **Change** cho phép thay đổi chọn điểm hướng chuẩn BS). Ấn ENT kết thúc việc đặt trạm (hiện thông báo **-REC STN-**).

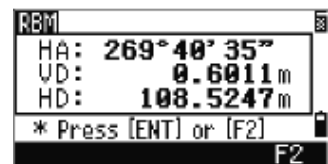
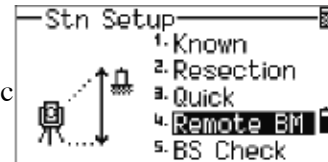
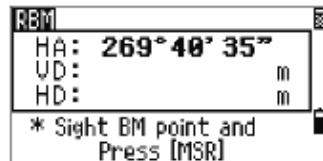
5.3 Đặt trạm (lưới) độc lập chọn 3.Quick



Màn hình đặt trạm hiển thị, dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT để nhập: tên điểm trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, điểm hướng chuẩn **BS** (bỏ trống hoặc chọn từ phím mềm danh sách **List**, nhóm điểm **Stack**), phương vị **AZ** tới điểm hướng chuẩn (mặc định là 0, nhưng có thể nhập). Rồi ngấm gương tại điểm hướng chuẩn, ấn ENT kết thúc (chú ý tọa độ điểm đặt trạm mặc định là 0,0,0).

5.4 Xác định cao độ điểm đặt trạm dựa vào cao độ điểm khống chế đã biết chọn 4.Remote BM

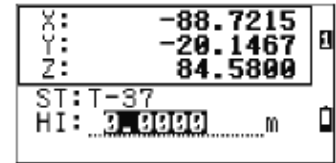
Ấn ENT, hiện màn hình nhập tên điểm cao độ khống chế **PT** (dùng các phím mềm danh sách **List**, nhóm điểm **Stack** để chọn tên), chiều cao gương **HT**, mã địa vật **CD**. Rồi ấn MSR1/ MSR2 đo (nếu chọn **F2** là đo hai mặt) tới đặt gương trên nó. Cửa sổ báo tọa độ điểm trạm xuất hiện, nhập tên điểm trạm **ST**, chiều cao máy **HI**. Ấn ENT kết thúc



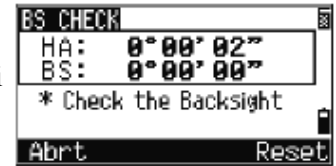
5.5 Kiểm tra và đặt lại điểm hướng chuẩn chọn 5.BS Check



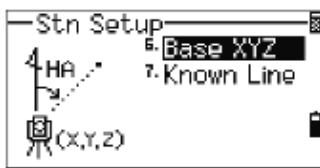
Trong khi quan trắc nếu có hiện tượng va chạm vào máy hay chân máy bị lún, xê dịch thì thực hiện thao tác này để cho kết quả đo chỉ tiết chính xác hơn. Chức năng này có thể truy nhập nhanh bằng cách ấn phím BS (mũi tên chỉ sang trái).



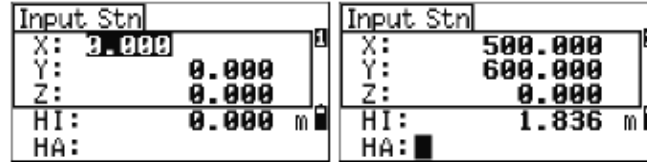
Ngắm gương đặt tại điểm hướng chuẩn, ấn **5.BS Check**. Màn hình xuất hiện cửa sổ báo trị số góc ngang **HA** hiện thời và góc ngang đã lưu khi thao tác đặt trạm **BS**, nếu sai lệch nhỏ ấn phím mềm **Abt** bỏ qua chọn giá trị lưu, nếu đặt lại theo trị số hiện thời ấn phím mềm **Reset**. Kết thúc ấn ENT.



5.6 Đặt trạm tạm thời trên điểm đã biết tọa độ chọn **6.Base XYZ**

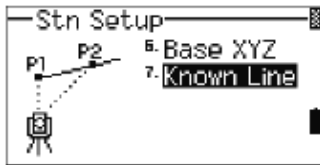


Chức năng này không lưu việc đặt trạm, dùng cho trắc địa công trình để kiểm tra trực tiếp sự tương quan các hạng mục. Màn hình hiển thị cửa sổ nhập tọa độ **XYZ** điểm đặt trạm, chiều cao máy **HI** và góc ngang **HA**, dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT tuần tự nhập trị số



điểm hướng chuẩn BS. Kết thúc ấn ENT quay về màn hình đo chính

5.7 Đặt trạm bằng cách đo tới hai điểm nằm trên một đoạn thẳng đã biết chọn **7.Know Line**



Hiển thị màn hình nhập tên điểm **P1** (nếu chưa có tọa độ trong bộ nhớ, nó hiện cửa sổ nhập tọa độ, nhập trực tiếp bằng tay, có thể dùng phím mềm danh sách **List** hay nhóm điểm **Stack** để chọn), chiều cao gương

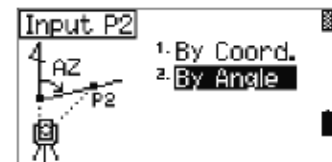


HT, mã địa vật **CD**.

Ngắm và ấn MSR/ MSR2 đo điểm P1 (có thể đo cả hai mặt bằng phím mềm **F2**), dưới cửa sổ kết quả đo có dòng nhắc, ấn ENT để nhập điểm P2.

Màn hình xuất hiện cho phép dùng một trong hai cách nhập điểm P2:

- Nhập bằng tọa độ chọn **1.By Coord**: cửa sổ nhập tọa độ điểm P2 xuất hiện, thao tác tương tự như nhập điểm P1 ở trên, rồi ấn ENT xuất hiện cửa sổ tính tọa độ điểm trạm.



- Nhập bằng góc phương vị đã biết từ P1 tới P2 chọn **2.By Angle**: nhập trị số góc phương vị **AZ**, ngắm và ấn MSR/ MSR2 đo điểm P2 (có thể đo cả hai mặt bằng phím mềm **F2**). Đo xong P2 xuất hiện cửa sổ tính tọa độ điểm trạm.

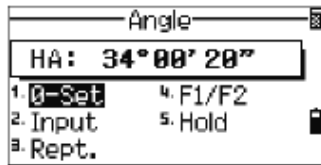
Trên màn hình tính tọa độ điểm trạm, có thể dùng phím mềm **DSP** lật trang cửa sổ kết quả tính, rồi ấn phím mềm **REC** hay ENT để khai báo đặt trạm. Dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT tuần tự nhập tên trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, mã địa vật **CD** và tên điểm hướng chuẩn **BS** (mặc định là P1, có thể thay sang P2 bằng phím mềm **Change**). Kết thúc ấn ENT.

5.8 Chuyển trạm máy

Khi chuyển trạm, thực hiện thao tác đặt trạm như trên, lấy điểm hướng chuẩn BS là điểm trạm vừa rồi đi, hệ tọa độ tự động được cập nhật khi đo chỉ tiết.

Trong mọi trường hợp, cố gắng dùng bộ để dọi tâm có bọt thủy đặt tại trạm chuyển tới và đo hai mặt trong chế độ đo tinh để giảm thiểu sai số do chuyển trạm.

6. Đo chế độ kinh vĩ



Sau khi ấn PWR bật máy, cài đặt máy và chuẩn bị công việc, ấn phím ANG thực hiện đo kinh vĩ. Màn hình hiển thị cửa sổ giá trị góc ngang hiện thời **HA** và mục thao tác chọn. Dùng các phím số tương ứng hoặc phím di chuyển con trỏ và ENT để chọn

6.1 Đặt góc ngang về 0 chọn **1.0-Oset** Ấn ENT, quay về màn hình đo chính.

6.2 Nhập giá trị góc ngang chọn **2.Input** Hiển thị cửa sổ, gõ nhập trị số góc ngang, ấn ENT, quay về màn hình đo chính. *Chú ý nhập trị số lẻ phân cách bằng dấu chấm.*

6.3 Đo lặp chọn **3.Rept.** Chọn hướng ngắm **BS** và hướng đo lặp **FS**, xuất hiện màn hình đo góc lặp và cửa sổ đo lặp góc ngang. Ngắm và ấn phím MSR1/MSR2 đo, xuất hiện trị số lần đo **N=**, góc ngang đo lặp trung bình **HRx** và tổng góc ngang đo cộng dồn **HRΣ**, kết thúc ấn ENT. Xuất hiện cửa sổ báo trị số đo góc ngang lặp trung bình **HRx** và góc ngang thực HA. Nếu cần ghi vào bộ nhớ thì ấn tiếp ENT, tuần tự nhập

các trường khai báo tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD**.

6.4 Đo hai mặt chọn **4.F1/F2** Thao tác này khi cần thực hiện phép đo góc chính xác loại trừ sai số cơ học máy, đảo ống kính đo hai mặt, khi kết thúc ấn ENT, màn hình báo trị số góc đo trung bình.

6.5 Khóa tạm thời góc ngang chọn **5.Hold** Thao tác này sử dụng khi cần giữ một trị số góc ngang mang tới một hướng ngắm bất kỳ. Đáy màn hình có hai phím mềm: bỏ qua ấn **Abri** (hoặc ESC), đặt ấn **Sett** (hay ENT) để có thể nhập vào trị số góc ngang tùy ý.

7. Đo chi tiết

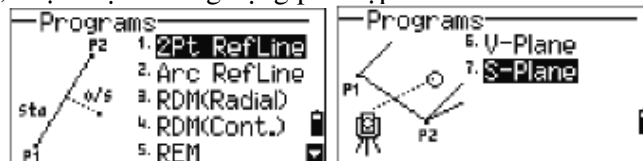
Sau khi thực hiện xong việc đặt trạm (hay chuyển trạm), màn hình đo chính xuất hiện. Di chuyển gương tới điểm đo, ngắm bắt tâm gương, ấn phím đo MSR1/MSR2, hiển thị kết quả đo. Tuần tự nhập tên điểm **PT** (tên điểm mặc định tự động đánh số tăng thêm 1), chiều cao gương **HT** (mặc định trị số nhập cũ), mã địa hình **CD** (mặc định tên mã nhập cũ). Khi muốn thay đổi các thông tin này, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT để nhập. Kết thúc ấn phím ENT để ghi vào bộ nhớ.

Trường hợp đã cài đặt máy với các tham số đồng bộ và phím đo MSR1/MSR2 ở chế độ **All**, thì sau khi ấn phím đo, kết quả đo tự động ghi vào bộ nhớ.

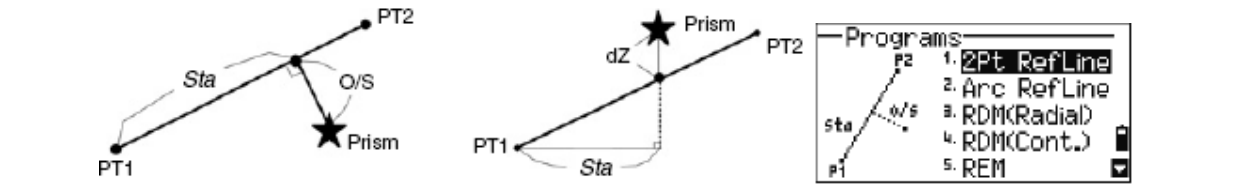
Dưới đây là các phép đo ứng dụng (hỗ trợ bởi phần mềm tính), được phân bổ và lấy ra sử dụng bằng ba phím cứng có tên PRG (chương trình đo), S-O (tìm điểm trên thực địa) và O/S (tìm điểm khuất). Mỗi phím cứng bao hàm một danh mục các thao tác đo và tính ứng dụng khác nhau.

8. Phím PRG chương trình Đo

Sau khi đã ấn PWR khởi động máy, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn phím PRG xuất hiện hai trang màn hình với bảy mục đo ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục đo ứng dụng phù hợp.



8.1 Tính điểm khuất hướng nằm trên đoạn thẳng (đi qua hai điểm) bằng cách đo tới điểm hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn **1.2Pt RefLine**



Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên đoạn thẳng và tạo thành góc vuông với điểm đặt gương. Tuân tự nhập tên điểm **P1**, **P2**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsRPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**.

Input Line P1

F1: 300

P2:

MsRPT List Stack

HA: 147°29'11"
 VA: 90°27'48"
 SD:
 HT: 1.5600 m
 * Sight PT & Press [MSR]

REF 1/4

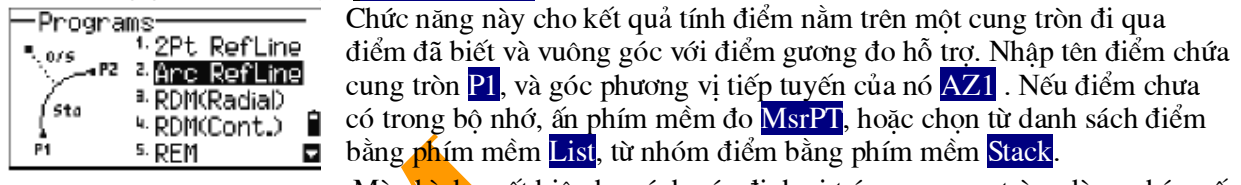
Sta: -0.2146 m
 O/S: 3.5021 m
 dZ: 0.0207 m
 * Press [ENT] to record

Record PT

PT: A102
 HT: 1.7026 m
 CD: HUB
 List Stack

. Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.
 Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi đo:
Sta khoảng cách tính từ điểm P1, **O/S** khoảng cách tính từ nó tới điểm đặt gương và **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương.
 Ấn DSP tuần tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số.
 Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **P1**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

8.2 Tính điểm nằm trên một cung tròn (đi qua một điểm đã biết) bằng cách đo điểm gương hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn **2.Arc RefLine**



Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một cung tròn đi qua điểm đã biết và vuông góc với điểm gương đo hỗ trợ. Nhập tên điểm chứa cung tròn **P1**, và góc phương vị tiếp tuyến của nó **AZ1**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsRPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**.

Màn hình xuất hiện ba cách xác định vị trí cung tròn, dùng phím số hay phím mũi tên di chuyển con trỏ và ấn ENT để chọn: cung đi qua điểm chứa đã biết góc phương vị tiếp tuyến **1.P2-AZ2**; bán kính cung và góc phương vị tiếp tuyến đã biết **2.Rad-AZ2**; bán kính cung và chiều dài dây cung đã biết **3.Rad-Length**

Start of Curve

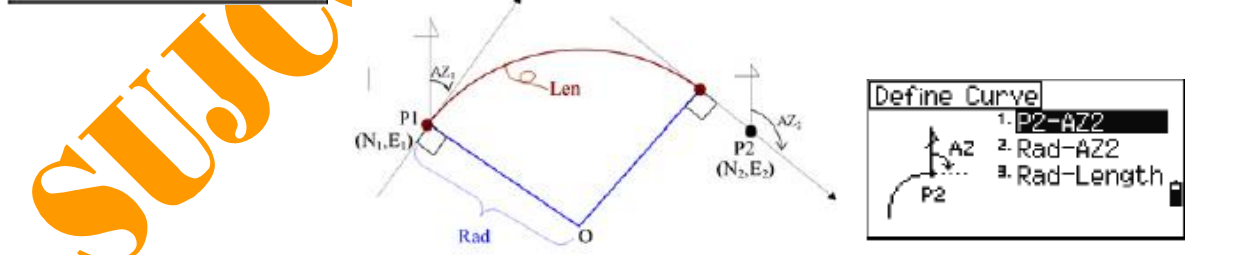
P1:

AZ1:

MsRPT List Stack

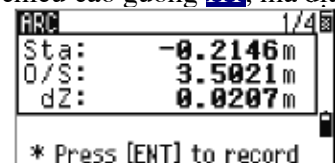
Define Curve

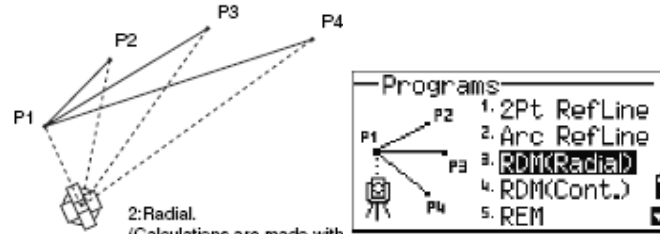
1. P2-AZ2
 2. Rad-AZ2
 3. Rad-Length



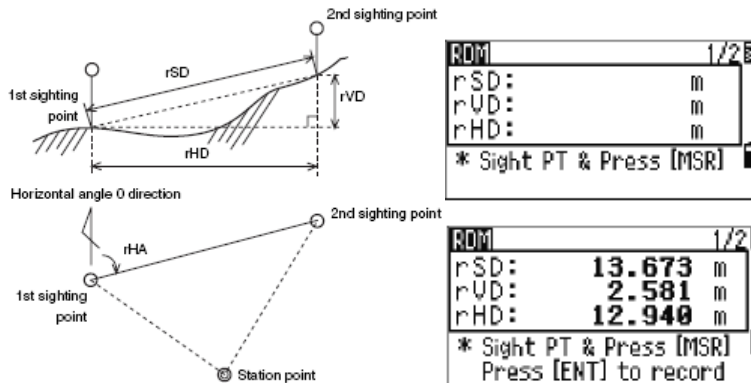
Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi đã nhập đủ các tham số: **Sta** khoảng cách tính từ điểm P1, **O/S** khoảng cách tính từ nó tới điểm đặt gương và **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương. Ấn DSP tuần tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số. Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

8.3 Đo gián tiếp xuyên tâm chọn **3.RDM(Radial)**

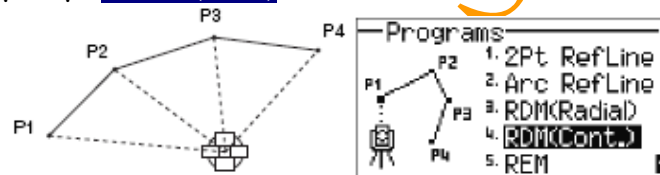




Chức năng này cho kết quả tính thông số tương quan giữa hai điểm đo, có một điểm chọn cố định, ấn MSR1/MSR2 đo, lật trang cửa sổ ấn DSP, ghi vào bộ nhớ ấn ENT.

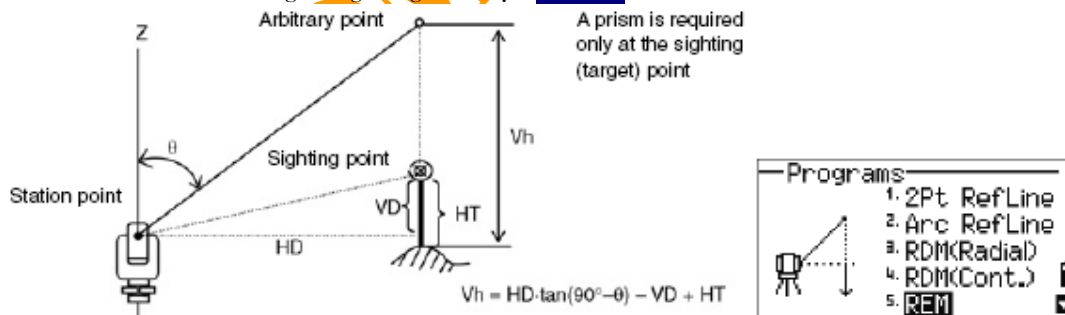


8.4 Đo gián tiếp liên tục chọn 4.RDM(Cont.)

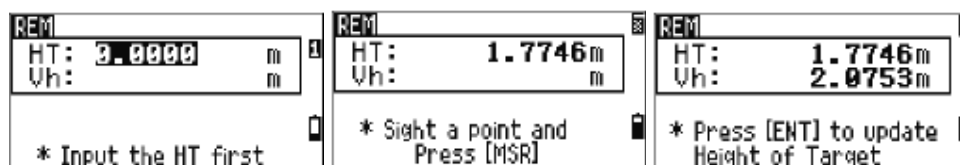


Chức năng này cho kết quả tính thông số tương quan trực tiếp giữa hai điểm đo liên tiếp, ấn MSR1/MSR2 đo, lật trang cửa sổ ấn DSP, ghi vào bộ nhớ ấn ENT.

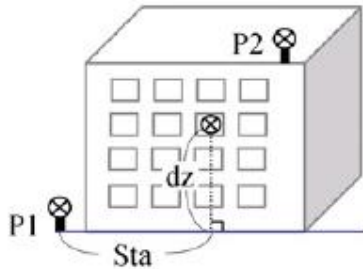
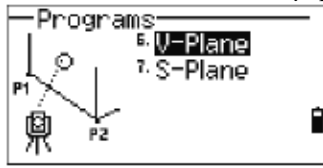
8.5 Đo chiều cao không với gương tới chọn 5.REM



Chức năng này cho kết quả tính chiều cao từ điểm đặt gương thẳng lên phía đỉnh mà gương không với tới. Hiện cửa sổ nhập chiều cao gương HT, ngắm gương ấn phím MSR1/MSR2 đo, nhả khóa bàn độ đứng, hướng ống kính bắt vào điểm đo thẳng đứng với điểm đặt gương, cửa sổ tính hiện ra chiều cao tính từ đáy sào gương tới điểm ngắm Vh, nếu muốn ghi vào bộ nhớ, ngắm lại đáy sào gương và ấn ENT.



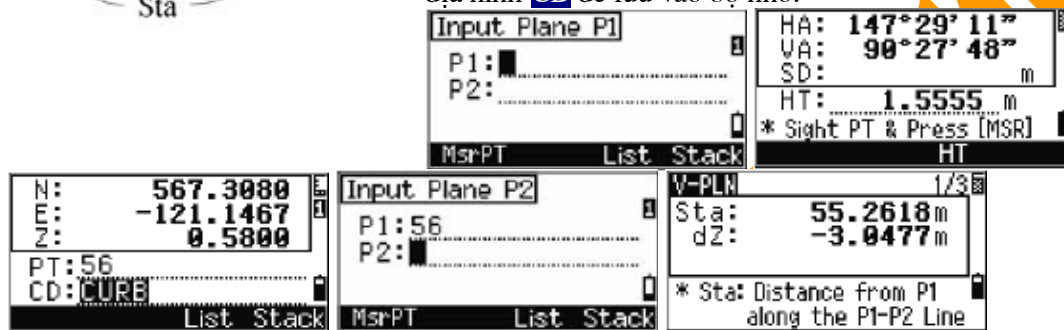
8.6 Đo điểm nằm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đã biết, chọn **6.V-Plane**



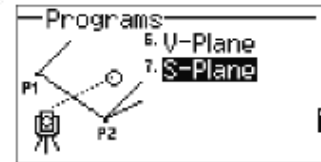
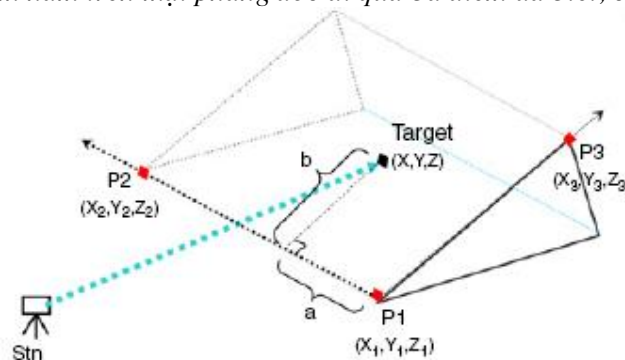
Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một mặt phẳng đứng chứa hai điểm đã biết. Tuần tự nhập tên điểm **P1**, **P2**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsrPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.

Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi ngắm đo tới gương: **Sta** khoảng cách tính từ điểm P1, **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương. Ấn DSP tuần tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số.

Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.



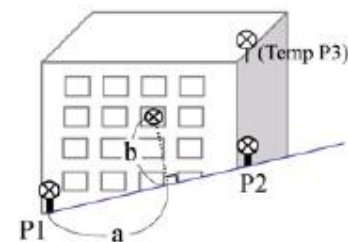
8.7 Đo điểm nằm trên mặt phẳng dọc đi qua ba điểm đã biết, chọn **7.S-Plane**



Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một mặt phẳng dọc chứa ba điểm đã biết. Tuần tự nhập tên điểm **P1**, **P2**, **P3**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsrPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Có thể nhập điểm tạm dùng (không ghi vào bộ nhớ) bằng cách ấn ENT khi con trỏ đang ở trường nhập tên điểm.

Nếu dùng phím mềm **2Pt** thì màn hình báo kết quả tính điểm nằm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đó: **a** là khoảng cách tính từ điểm P1 tới điểm cần tính hạ vuông góc trên đoạn P1-P2, **b** là chiều cao đoạn hạ vuông góc từ điểm cần tính tới đoạn thẳng P1-P2.

Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.

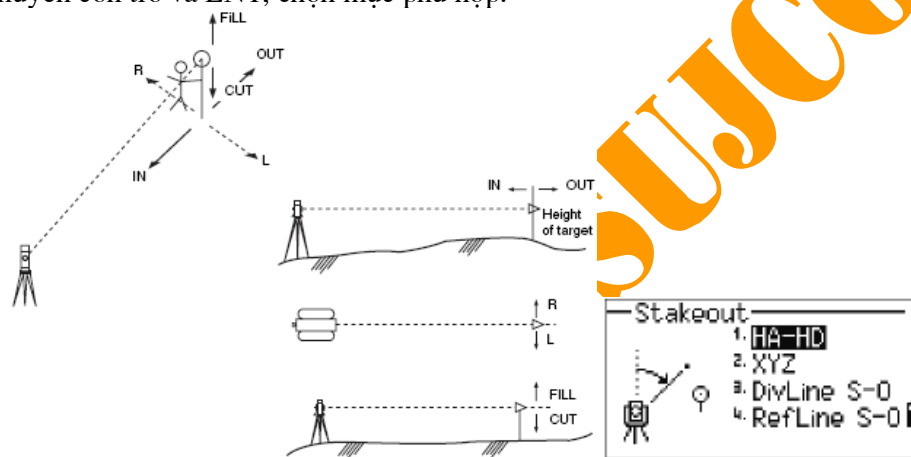


Ấn DSP tuần tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số. Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

| | | |
|---|---|---|
| Input Plane P1 P1: <input type="text"/> P2: <input type="text"/> P3: <input type="text"/> MsrPT List Stack S-PLN 1/3 a : -0.2146m b : 3.5021m * a: Distance from P1 b: O/S from P1-P2 Line | N: 200.3080 E: -100.5520 Z: 69.520 * This PT will not be recorded HA: 48°00'17" VA: 92°50'22" SD: 45.6208m PT: 77 CD: <input type="text"/> List Stack | Input Plane P3 P1: 503 P2: <Keyed-in XYZ> P3: <input type="text"/> MsrPT 2Pt List Stack |
|---|---|---|

9. Phím S-O Tìm các điểm trên thực địa (cắm điểm, đưa thiết kế ra thực địa)

Sau khi ấn PWR khởi động máy, mở công việc, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn S-O xuất hiện màn hình với bốn danh mục đo tìm điểm ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục phù hợp.



Chú ý: khi cắm các điểm trong phạm vi bán kính đặt máy 100, có thể bật đóng đèn công tác hồng ngoại để hỗ trợ di chuyển gương.

9.1 Tìm điểm cách trạm máy một cự ly và góc kẹp đã biết, chọn 1.HA-HD

| | |
|---|--|
| Stakeout 1. HA-HD 2. XYZ 3. DivLine S-O 4. RefLine S-O | |
|---|--|

Màn hình xuất hiện cửa sổ cho nhập khoảng cách **HD**, chênh cao **dVD** và góc kẹp **HA**. Xoay thân máy cho tới khi góc bằng HA về 0, khoá bàn độ ngang, đóng hướng và di chuyển gương, tuần tự ấn MSR1/MSR2 đo cho tới khi các kết quả tính về 0.

Có thể bật đóng đèn hồng ngoại để hỗ trợ cho thao tác di chuyển gương.

Nhớ ấn phím HOT nhập chiều cao gương **HT**, nhiệt độ và áp suất **T-P**. Dùng phím DSP lật các trang hiển thị. Kết thúc ấn ENT ghi kết quả vào bộ nhớ.

Chú ý điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

| | | |
|--|---|---|
| Input Angle & Dist HD: <input type="text"/> m dVD: <input type="text"/> m HA: <input type="text"/> | S-O dHA+ 205°35'41" HD: 87.5412m * Sight the target and Press [MSR] | S-O 1/7 dHA+ 0°00'00" R + 0.0846m OUT + 1.0057m CUT + 0.0615m * Press [ENT] to record |
|--|---|---|

| | |
|------------|----------|
| X: | 102.0155 |
| Y: | 184.1729 |
| Z: | 70.4480 |
| PT: | 102 |
| CD: | |
| List Stack | |

9.2 Tìm điểm khi biết tọa độ của nó, chọn 2.XYZ

| | |
|----------------|--|
| Stakeout | |
| 1. HA-HD | |
| 2. XYZ | |
| 3. DivLine S-O | |
| 4. RefLine S-O | |

Màn hình xuất hiện cửa sổ cho nhập tên điểm **PT**, cự ly tính từ trạm máy **Rad** và mã địa hình **CD**. Dưới đây có ba phím mềm: **Fr/To** để lập danh sách điểm cần tìm, **List** để chọn điểm từ danh sách và **Stack** để chọn điểm từ một nhóm điểm (nếu lấy điểm từ công việc kiểm tra màn hình có thêm phím mềm **Ctrl**).

| |
|----------------------|
| UP, A100, FENCE |
| UP, A101 |
| UP, A100-1, MANHOLE |
| UP, A100-2 |
| UP, A100-4 |
| UP, A100-6, CODECODE |
| [Ctrl] |

| | |
|-------------------|--|
| Input Point Range | |
| Fr: A100 | |
| To: A200 | |
| List Stack | |

Sau khi nhập đủ dữ kiện, màn hình tính hiện ra chỉ hướng quay góc ngang tới điểm cần tìm **dHA** và cự ly tới điểm cần tìm **HD**. Xoay thân máy cho tới khi góc bằng dHA về 0, khoá bàn độ ngang, đóng hướng và di chuyển gương, tuân tự ấn MSR1/MSR2 đo cho tới khi các kết quả tính về 0.

Nhớ ấn phím HOT nhập chiều cao gương **HT**, nhiệt độ và áp suất **T-P**. Dùng phím DSP lật các trang hiển thị. Kết thúc ấn ENT ghi kết quả vào bộ nhớ.

Chú ý điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

| | |
|------------------|---|
| Input Point | |
| PT: A100* | |
| Rad: | m |
| CD: | |
| Fr/To List Stack | |
| N: 567.3080 | |
| E: -121.1467 | |
| Z: 0.5800 | |
| PT: A100-1002 | |
| CD: CURB | |
| List Stack | |

| | |
|------------------------------------|--|
| PT: A100-2 | |
| dHA: 0°00'00" | |
| HD: 87.5412m | |
| * Sight the target and Press [MSR] | |

| | |
|-------------------------|--|
| PT: A100-2 1/7 | |
| dHA: 0°00'26" | |
| R: 0.055 m | |
| IN: 0.920 m | |
| FIL: 0.036 m | |
| * Press [ENT] to record | |

9.3 Chia đều một đoạn thẳng tính từ trạm máy, chọn 3.DivLine S-O

| | |
|----------------|--|
| Stakeout | |
| 1. HA-HD | |
| 2. XYZ | |
| 3. DivLine S-O | |
| 4. RefLine S-O | |

Ngắm đo tới gương đặt ở điểm cuối đoạn thẳng cần chia đều, màn hình hiển thị chiều dài cạnh chia. Nhập số khoảng chia đều **Span total**, màn hình tính cự ly để di chuyển gương tới điểm chia. Ngắm đo cho tới khi các trị số tính báo về 0, ấn ENT ghi điểm vào bộ nhớ, khai báo tên điểm **PT**, mã địa hình **CD**. Chú ý điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

điều khiển.

Nếu ấn ESC là thoát khỏi màn hình này. Ấn phím mũi tên lên/xuống là để đo tìm tiếp các điểm được chia trên đoạn cơ sở. Ấn DSP để lật các trang hiển thị tham số đo/tính.

| | |
|--------------------------|---|
| LineS-O | |
| HA: 209°35'46" | |
| HD: | m |
| * Sight END-Pt and [MSR] | |
| X: 102.0155 | |
| Y: 184.1729 | |
| Z: 70.4480 | |
| PT: 102 | |
| CD: CURB | |
| List Stack | |

| | |
|-------------------|--|
| LineS-O | |
| HA: 209°35'46" | |
| HD: 148.2600m | |
| Span total: | |

| | |
|-------------------------|--|
| LineS-O <1/4> | |
| HD: 10.0650m | |
| L: 0.1564m | |
| In: 0.3408m | |
| * [+] = Go to next nail | |
| [↑] = Back to prev nail | |

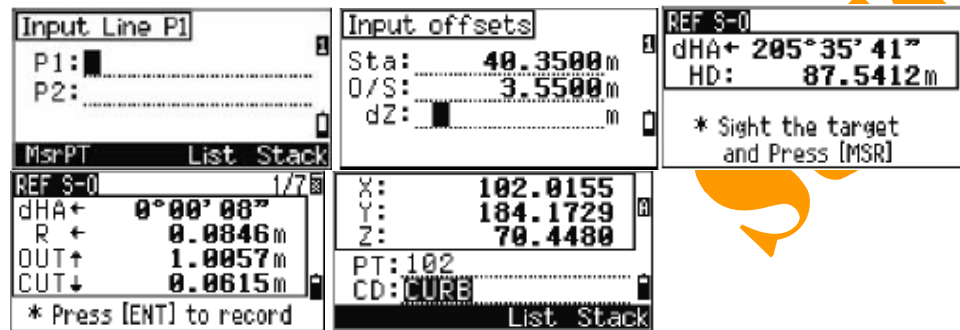
9.4 Đo tìm điểm nằm trên đoạn thẳng nhờ cự ly hỗ trợ tới một điểm gương đã biết chọn

4.RefLine S-O

Tuần tự nhập hai điểm **P1**, **P2** của đoạn thẳng tham chiếu, nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsRPT** hay ấn ENT để nhập bằng tay, có thể chọn điểm từ danh sách bằng phím mềm **List** hay nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Sau đó hiển thị cửa sổ tuần tự nhập: cự ly tới điểm tính từ trạm máy **Sta**, cự ly cách điểm đặt gương hỗ trợ **O/S** (kèm dấu cộng khi nó nằm bên phải hay dấu trừ khi nó nằm bên trái đoạn **P1-P2**) và chênh cao so với đoạn tham chiếu **dZ**.

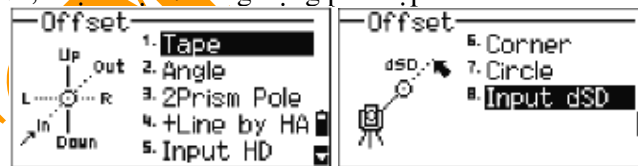
Màn hình kết quả tính hiển thị góc ngang **dHA**, quay thân máy cho tới khi **dHA** bằng 0, khóa bàn độ ngang. Di chuyển gương đúng hướng và ngắm đo, tiếp tục di chuyển gương cho tới khi kết quả ngắm đo đạt các trị số tính bằng 0.

Nếu ấn ESC là thoát khỏi màn hình này. Ấn DSP để lật các trang hiển thị tham số đo/tính. Ấn ENT ghi điểm vào bộ nhớ, khai báo tên điểm **PT**, mã địa hình **CD**. Chú ý điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 *Cài đặt bằng phần mềm điều khiển*.

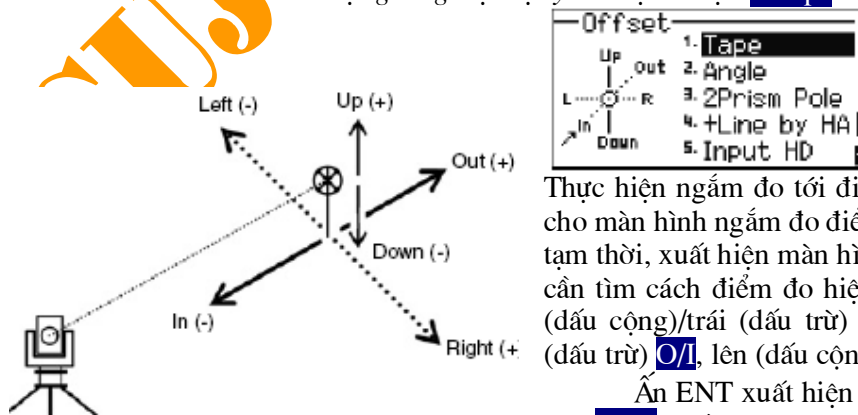


10. Phím O/S đo các điểm khuất (không đặt gương tới)

Sau khi ấn PWR khởi động máy, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn phím O/S xuất hiện hai trang màn hình với tám danh mục đo ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục đo ứng dụng phù hợp.



10.1 Tính điểm cách điểm đặt gương một cự ly xác định chọn 1.Tape



Thực hiện ngắm đo tới điểm đặt gương, nếu chưa đo sẽ cho màn hình ngắm đo điểm tạm thời, xuất hiện màn hình nhập tay các cự ly của điểm cần tìm cách điểm đo hiện thời, tuần tự nhập sang phải (dấu cộng)/trái (dấu trừ) **R/L**, đi ra (dấu cộng)/đi vào (dấu trừ) **O/I**, lên (dấu cộng)/xuống (dấu trừ) **U/D**.

Ấn ENT xuất hiện màn hình tính tọa độ điểm cần tìm **XYZ**, tuần tự nhập tên **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC thoát khỏi màn hình tính, không ghi kết quả vào bộ nhớ.

| | | |
|---|---|---|
| HA: 147°29' 11" VA: 90°27' 48" SD: HT: 1.5555 m * Sight PT & Press [MSR] HT | Taped offsets R/L: O/I: U/D: * (+)=Right, (-)=Left | X: 102.0155 Y: 184.1729 Z: 70.4480 PT: 102 CD: CURE List Stack |
|---|---|---|

10.2 Tính điểm cách điểm đặt gương một góc bằng, chọn **2.Angle**

| | | |
|--|---|--|
| Offset 1. Tape 2. Angle 3. 2Prism Pole 4. +Line by HA 5. Input HD | HA: 147°29' 11" VA: 90°27' 48" SD: HT: 1.5555 m * Sight PT & Press [MSR] HT | 0/3 1/4 HA: 140°29' 11" VA: 89°07' 46" SD: 128.6073 m * Take the Angle 0/3 Abt OK |
|--|---|--|

Thực hiện ngắm đo tới điểm đặt gương, nếu chưa đo sẽ cho màn hình ngắm đo điểm tạm thời. Quay thân máy ngắm điểm cần tìm và ấn MSR1/MSR2, hiển thị kết quả, tuân tự nhập chiều cao gương **HT**, tên điểm **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT hay phím mềm **OK** ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC hay phím mềm **Abt** là bỏ qua kết quả hiện thời.

10.3 Tìm điểm khuất bằng sao hai gương, chọn **3.2Prism Pole**

| | | |
|--|---|--|
| Offset 1. Tape 2. Angle 3. 2Prism Pole 4. +Line by HA 5. Input HD | HA: 147°29' 11" VA: 90°27' 48" SD: HT: 1.5555 m * Sight PT & Press [MSR] HT | 0/3 1/4 HA: 140°29' 11" VA: 89°07' 46" SD: 128.6073 m * Take the Angle 0/3 Abt OK |
|--|---|--|

Tuân tự ngắm đo tới hai điểm gương trên sao hai gương, nhập cự ly gương tới gương P1-P2, gương tới điểm cần tìm P2-Tgt, xuất hiện kết quả tính, ấn ENT ghi vào bộ nhớ điểm cần tìm. Nếu bỏ trống cự ly P1-P2 xuất hiện kết quả tính từ **phép đo** (để so với giá trị nhập tay).

| | | |
|---|--|---|
| Input Target P1-P2: 0.5000 m P2-Tgt: 0.250 m * P1-P2 can be left blank. | P1-P2 Dist Input: 0.5000 m Measure: 0.4982 m Redo OK | 0/3 <PT1> 1/4 HA: 40°29' 11" VA: 89°07' 46" SD: 45.6780 m * Sight the 1st Pt and Press [MSR]. |
|---|--|---|

| | |
|---|--|
| 0/3 <PT2> 1/4 HA: 75°07' 10" VA: 87°09' 46" SD: * Sight the 2nd Pt and Press [MSR]. | Offset 1. Tape 2. Angle 3. 2Prism Pole 4. +Line by HA 5. Input HD |
|---|--|

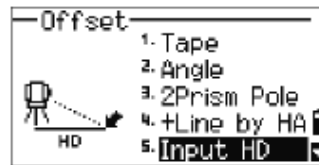
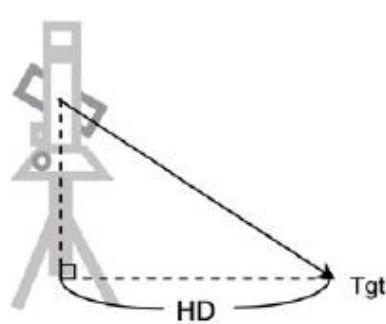
10.4 Tính điểm giao của hai đoạn thẳng (góc mái nhà), chọn **4.+Line by HA**

Tuân tự ngắm đo tới hai điểm gương trên sao hai gương, rồi điểm gương thẳng với điểm cần tìm, di chuyển ống kính ngắm vào điểm cần tìm ấn ENT xuất hiện kết quả tính điểm cần tìm. Tuân tự nhập tên điểm **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT ghi vào bộ nhớ.

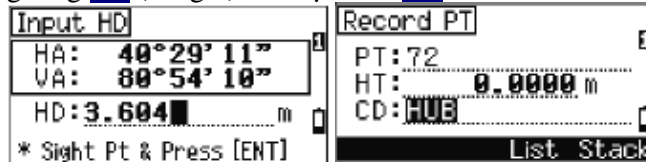
| | |
|---|---|
| 0/3 <PT1> 1/4 HA: 40°29' 11" VA: 89°07' 46" SD: 45.6780 m * Sight the 1st Pt and Press [MSR]. | 0/3 <PT2> 1/4 HA: 75°07' 10" VA: 87°09' 46" SD: * Sight the 2nd Pt and Press [MSR]. |
|---|---|

| | |
|--|---|
| 0/3 <ALT> 1/4 HA: 52°46' 09" VA: 87°09' 46" SD: * Take a HA offset and Press [ENT] | HA: 40°29' 11" VA: 89°07' 46" SD: 79.4028 m PT: 70 CD: KERB List Stack |
|--|---|

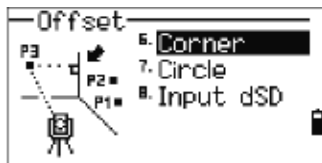
10.5 Tính điểm cách trạm máy một khoảng cách đo chọn **5.Input HD**



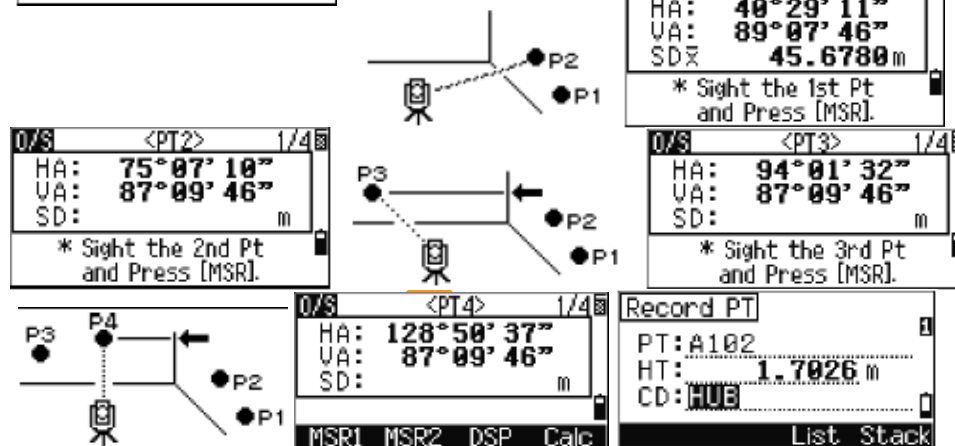
Chức năng này đo tính cho điểm lân cận trạm máy, những chỗ không gian chật hẹp. Nhập khoảng cách **HD** từ điểm trạm tới điểm đo, ngắm vào nó, ấn ENT. Tuần tự nhập tên điểm **PT** chiều cao gương **HT** (bằng 0), mã địa hình **CD** và ấn ENT kết thúc.



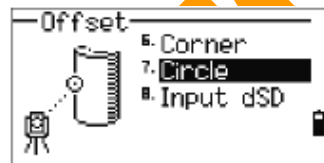
10.6 Tính điểm góc (tường, vách) chọn **6.Corner**



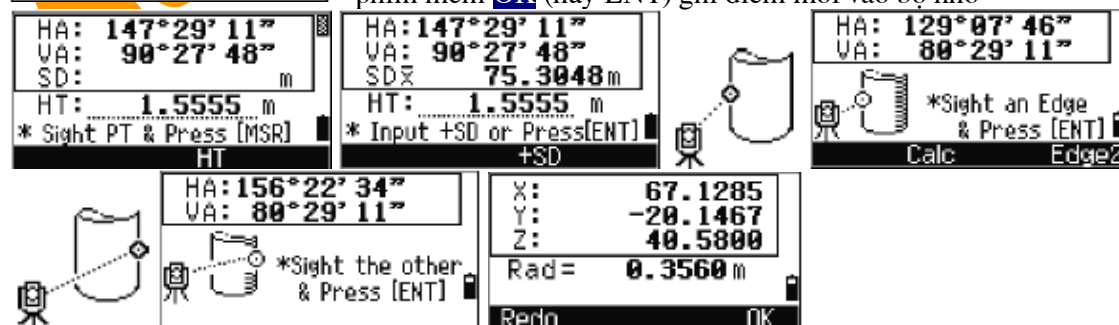
Thực hiện đo tới các điểm gương đặt trên tường (tối thiểu 3 điểm), ấn phím mềm **Calc** hiển thị kết quả tính, cao độ Z lấy ứng với điểm đo cuối cùng, tuần tự nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** rồi ấn ENT ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC thì bỏ qua không nhớ.



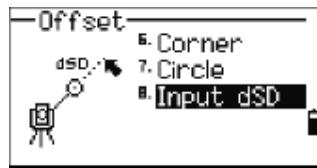
10.7 Tính điểm tâm của khối trụ chọn **7.Circle**



Thực hiện đo tới rìa khối trụ, để bù vị trí đặt gương chọn phím mềm **+SD**, đo cả rìa đối diện chọn phím mềm **Edge2**, tính điểm tâm chọn phím mềm **Calc**. Màn hình cho kết quả tọa độ tâm và bán kính khối trụ **Rad=**, chọn phím mềm **Redo** (hay ESC) để bỏ qua kết quả hiển thị, chọn phím mềm **OK** (hay ENT) ghi điểm mới vào bộ nhớ



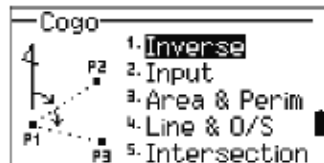
10.8 Tính điểm nằm trên đoạn kéo dài của cạnh chéo chọn **8.Input dSD**



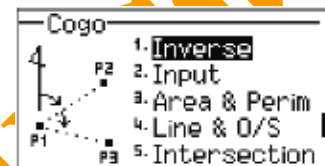
Sau khi đo xong tới gương, nhập trị số đoạn kéo dài cạnh chéo **+SD**, kèm theo chiều cao gương **HT**, ấn ENT ghi điểm mới vào bộ nhớ.



11. Tính địa hình COGO



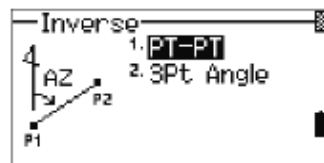
Việc tính địa hình có thể thực hiện ngay trong khi khảo sát với các điểm đã có tọa độ được đo hay được nhập trực tiếp. Ấn phím **PWR**→**MENU**→**2.Cogo**, dùng phím số tương ứng hay phím mũi tên di chuyển con trỏ và ấn ENT. Danh mục tính địa hình mở ra, chọn một trong các cách tính sau đây:



11.1 Tính các điểm chọn **1.Inverse**

Ấn ENT, chọn một trong hai mục tính ứng dụng sau:

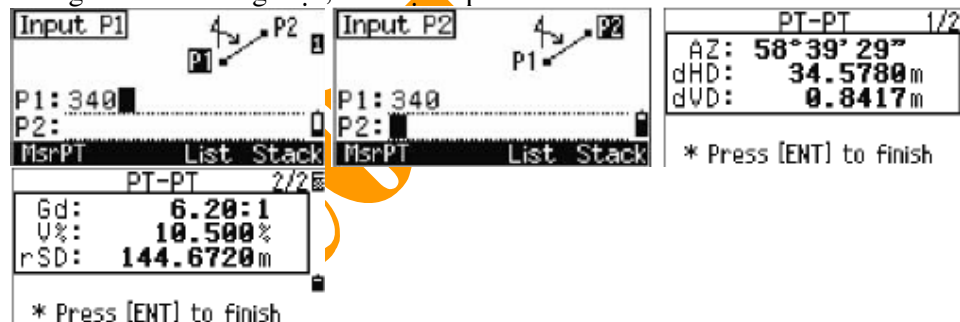
11.1.1 Tính giữa hai điểm, chọn **1.PT-PT**



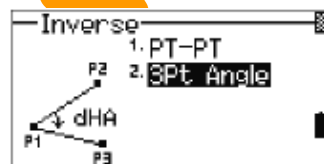
Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm **MsPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** tuần tự gõ vào số hiệu điểm rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính hiện ra, dùng phím **DSP** để lật các trang màn hình kết quả tính.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ cho điểm cần tính toán và các điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới cho chúng. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím **ESC** thoát về màn hình cơ bản.



11.1.2 Tính góc kẹp giữa ba điểm, chọn **2.3PT Angle**

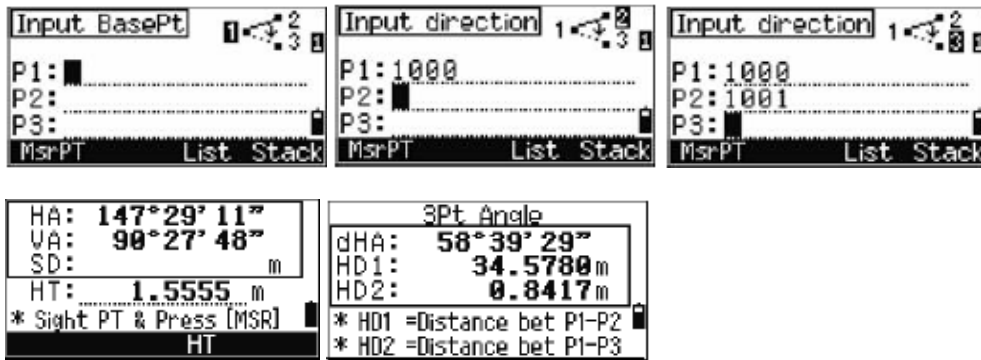


Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm: **MsPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2**, **PT3** tuần tự gõ vào số hiệu điểm rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính hiện ra, dùng phím **DSP** để lật các trang màn hình kết quả tính. Chú ý điểm ở trường **PT1** là điểm gốc, góc

kẹp nằm giữa hai đoạn **PT1-PT2** và **PT1-PT3**.

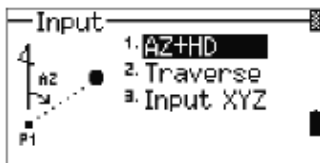
Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2**, **PT3** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ cho điểm cần tính toán và các điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới cho chúng. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím **ESC** thoát về màn hình cơ bản.



11.2 Tính và nhập tọa độ bằng tay chọn 2.Input

Ấn ENT, ba mục tính ứng dụng mở ra, chọn một trong ba cách tính sau:

11.2.1 Tính tọa độ điểm bằng cách nhập góc phương vị và cạnh bằng từ điểm gốc, chọn 1.AZ+HD

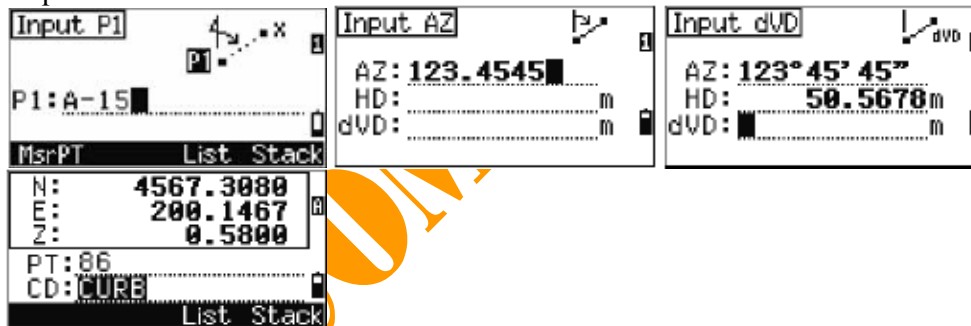


Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

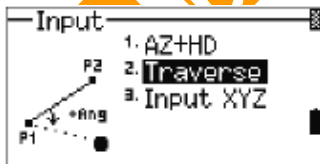
Khi con trỏ ở trường PT1 gõ vào số hiệu điểm gốc, rồi tuần tự nhập giá trị góc phương vị AZ, cạnh bằng HD, chênh cao dVD tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ điểm mới hiện ra.

Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Trường hợp khi con trỏ ở trường PT1 mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm gốc và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



11.2.2 Tính tọa độ các điểm dự kiến truyền dẫn, chọn 2.Traverse

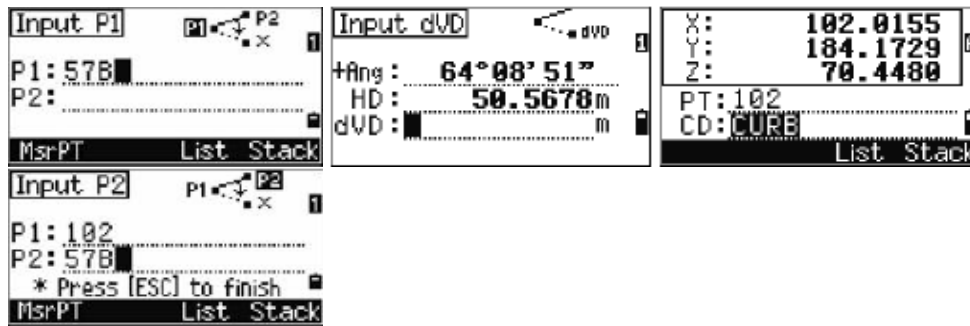


Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm: MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường PT1, PT2 gõ vào số hiệu điểm dẫn xuất, rồi tuần tự nhập giá trị góc bằng +Ang, cạnh bằng HD, chênh cao dVD tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ

điểm mới hiện ra. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

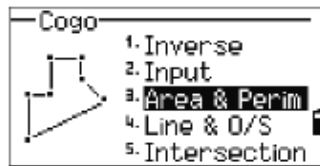
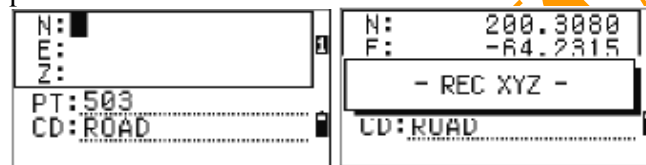
Trường hợp khi con trỏ ở trường PT1, PT2 mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm dẫn xuất và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



11.2.3 Nhập tọa độ các điểm trực tiếp bằng tay, chọn 3.Input XYZ



Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập tọa độ, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ, tuần tự gõ vào các tọa độ, rồi ấn ENT kết thúc. Muốn lưu điểm vào bộ nhớ, phải khai báo tên cho nó. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



11.3 Tính chu vi và diện tích khu đo chọn 3.Area&Perim

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ, tuần tự gõ vào các tọa độ, rồi ấn ENT kết thúc. Muốn lưu điểm vào bộ nhớ, phải khai báo tên cho nó. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.

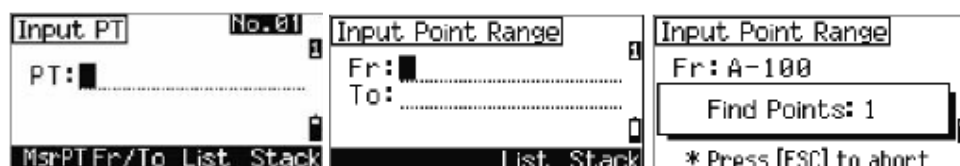
Trường hợp khi con trỏ ở trường PT mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm giả định và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Nhập tối thiểu 3 điểm không nằm trên một đường thẳng, tối đa 99 điểm.

Điểm cuối cùng khép kín khu đo là điểm xuất phát, màn hình chờ tính kết quả hiện ra với các phím mềm dưới đây là: MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, Calc thực hiện tính, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

Ấn phím MSR ứng với phím mềm Calc, hiện ra cửa sổ báo kết quả tính chu vi và diện tích. Ấn ENT ghi kết quả tính vào dạng bản ghi chú thích CO trong bộ nhớ với tên tùy nhập.

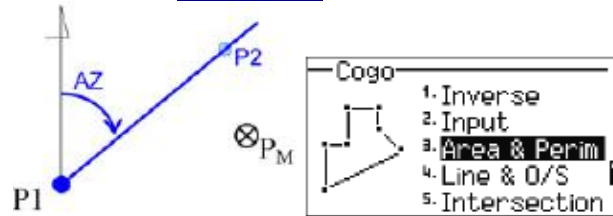


Khi tính các điểm đã có trong danh sách theo chuỗi đánh số tự động, ấn phím mềm Fr/To rồi thao tác như trên:





11.4 Tính tọa độ điểm giả định chọn 4.Line&O/S



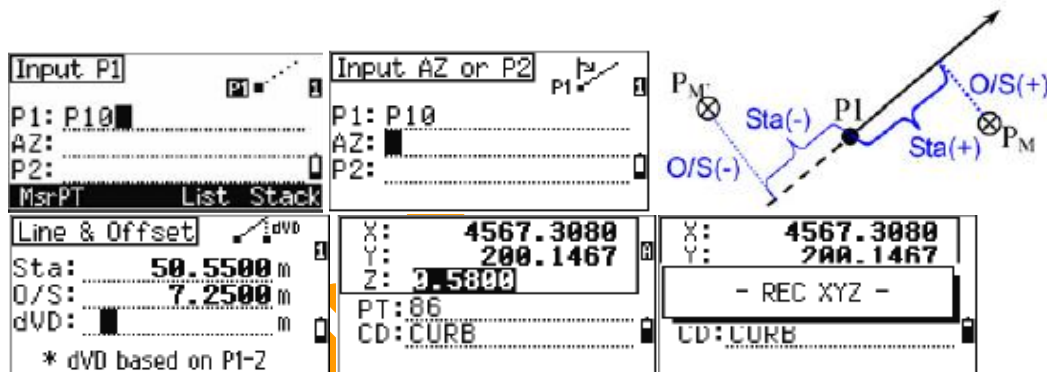
Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường: **PT1**, **PT2** gõ vào số hiệu điểm dẫn xuất, **AZ** nhập góc phương vị đoạn PT1-PT2 (có thể tìm AZ bằng chức năng 13.1.1 Tính giữa hai điểm ở trên); rồi tuần tự nhập giá trị cạnh bằng tính từ điểm gốc PT1, cạnh bằng vuông góc đoạn PT1-PT2 tính từ điểm PT2, chênh cao so với đoạn PT1-PT2 tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ điểm mới hiện ra.

Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm dẫn xuất và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới.

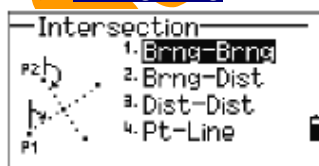
Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



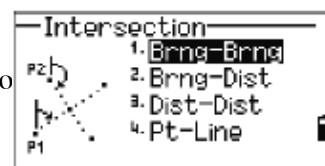
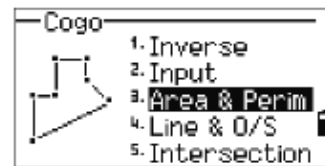
11.5 Tính tọa độ các điểm giao cắt chọn 5.Intersection

Ấn ENT, mở bốn mục tính ứng dụng, chọn như sau:

11.5.1 Tính điểm giao cắt dựa vào hai điểm và hai góc phương vị, chọn 1.Brng-Brng

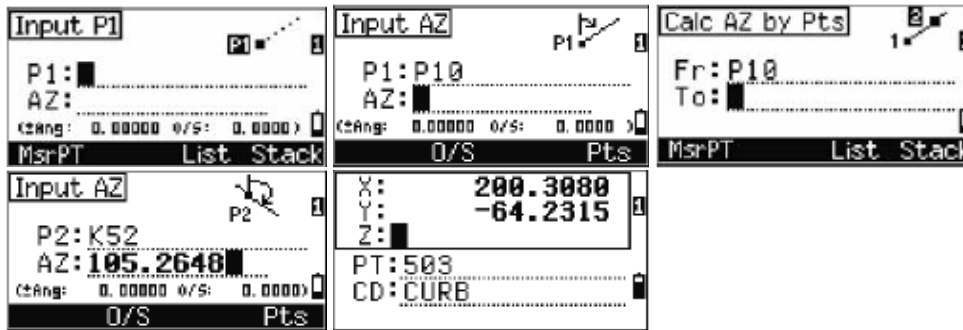


Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

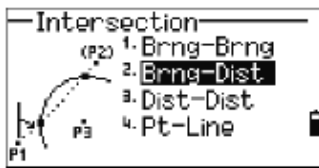


Sau khi nhập xong **PT1** hoặc **PT2**, khi con trỏ ở trường **AZ**, đáy màn hình hiện 2 phím mềm: **O/S** cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, **Pts** cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Ấn ENT, màn hình kết quả tính hiện ra, riêng cao độ **Z** bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.



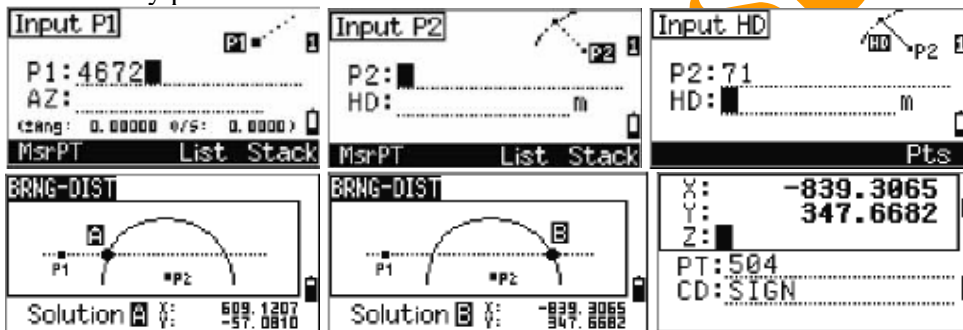
11.5.2 Tính điểm giao cắt của đoạn thẳng và cung tròn biết bán kính, chọn **2.Brng-Dist**



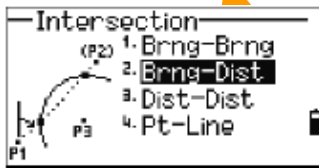
Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong **PT1**, khi con trỏ ở trường **AZ**, đây màn hình hiện 2 phím mềm: **O/S** cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, **Pts** cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Sau khi nhập xong **PT2** và **HD**, ấn ENT, màn hình hiện ra hai kết quả tính, dùng phím mũi tên di chuyển ngang để chọn điểm cần tính, riêng cao độ **Z** bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này phải khai báo tên mới cho nó.



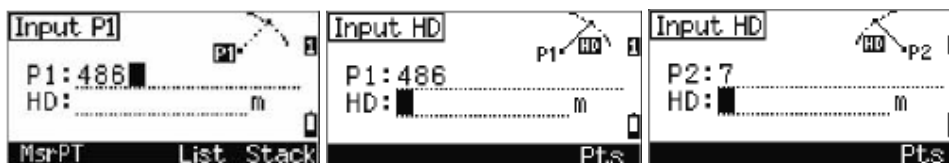
11.5.3 Tính điểm giao cắt của hai cung tròn biết bán kính, chọn **3.Dist-Dist**

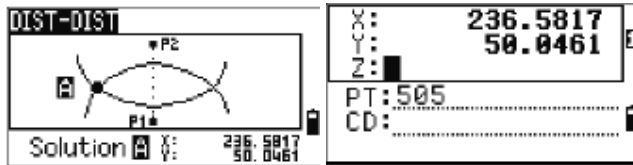


Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

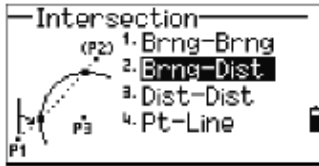
Sau khi nhập xong **PT1** và **HD**, ấn ENT, màn hình hiện ra hai kết quả tính, dùng phím mũi tên di chuyển ngang để chọn điểm cần tính, riêng cao độ **Z** bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu

điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.





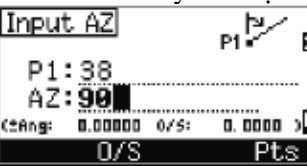
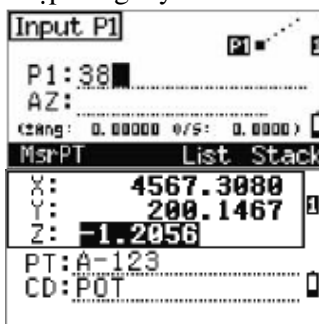
11.5.4 Tính điểm gia cắt dựa vào đoạn thẳng và một điểm, chọn 4.Pt-Line



Ấn ENT, xuất hiện cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong PT1, khi con trỏ ở trường AZ, đẩy màn hình hiện 2 phím mềm: O/S cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, Pts cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Sau khi nhập xong PT2 ấn ENT, màn hình hiện ra kết quả tính, riêng cao độ Z bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

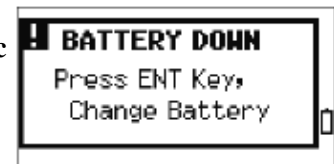


12. Các thông báo xuất hiện khi vận hành, ý nghĩa và cách thao tác

! Bất kỳ khi nào xuất hiện cửa sổ:

Nghĩa là: nguồn pin yếu

Làm như sau: ấn ENT kết thúc và thay pin dự phòng, nạp lại pin hết



12.1 Khi thao tác đặt trạm máy

12.1.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: STN Setup has to be in F1/F2

Nghĩa là: trong khi thực hiện thao tác đặt trạm, bạn đã chọn chế độ đo hai mặt tới điểm hướng chuẩn (để có kết quả chính xác hơn).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về làm lại thao tác đo cả hai mặt tới điểm hướng chuẩn

12.1.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: Same Coordinate

Nghĩa là: bạn nhập trùng số hiệu điểm hoặc tọa độ.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thay lại điểm hay tọa độ.

12.1.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: Calc ST Failed Need additional PT

Nghĩa là: thiếu điểm đo.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thêm điểm đo.

12.1.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: Space Low

Nghĩa là: thiếu vùng trống bộ nhớ trong.

Làm như sau: ấn ESC hay phím mềm Abt thoát ra. Dùng phím mềm DEL xóa bớt bản ghi điểm hay việc trong bộ nhớ. Nếu ấn ENT hay phím mềm OK là bỏ qua không khi vào bộ nhớ.

12.1.5 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: XY-coordinates required

Nghĩa là: điểm nhập thiếu tọa độ XY (NE).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập tọa độ.

12.1.6 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: Z-coordinate is required

Nghĩa là: điểm cao độ khống chế nhập thiếu tọa độ Z.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập tọa độ.

12.2 Khi tính địa hình

12.2.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Result**

Nghĩa là: trong khi thực hiện tính chu vi, bạn nhập số hiệu điểm sai trật tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập lại các điểm theo đúng trật tự.

12.2.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Same Coordinate**

Nghĩa là: bạn nhập trùng số hiệu điểm hoặc tọa độ.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thay lại điểm hay tọa độ.

12.2.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XY-coordinate is required**

Nghĩa là: điểm nhập thiếu tọa độ XY (NE).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập tọa độ.

12.3 Khi xuất/ nhập dữ liệu với máy tính

12.3.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Check Data**

Nghĩa là: trong dữ liệu nhập có sai sót.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi dòng dữ liệu.

12.3.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DUPLICATE PT**

Nghĩa là: trong dữ liệu nhập có điểm trùng.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi dữ liệu (có thể thay tên điểm)

12.3.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **PT MAX20 chars**

Nghĩa là: điểm nhập có tên dài quá 20 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi tên điểm.

12.3.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XYZ OVER RANGE**

Nghĩa là: điểm nhập có tọa độ dài quá 13 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi tọa độ.

12.4 Xem dữ liệu

12.4.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit Current ST**

Nghĩa là: không thể sửa đổi bản ghi đặt trạm hiện thời. Nhưng bản ghi cũ thì có thể sửa đổi, nhưng không tính toán lại được.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập tên lớp/mã địa hình.

12.4.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit ST/BS refer to this PT**

Nghĩa là: không thể sửa tọa độ bản ghi đặt trạm và hướng chuẩn hiện thời với điểm này.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình xem dữ liệu.

12.4.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit XYZ from measurement**

Nghĩa là: không thể sửa tọa độ bản ghi với điểm truyền dẫn SO, ngắm đo SS và đo tính CP.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình trước đây.

12.4.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DELETE Stn-XYZ**

Nghĩa là: câu hỏi để bạn xác nhận thao tác xóa bản ghi tọa độ đặt trạm và hướng chuẩn hiện thời.

Làm như sau: ấn phím mềm **DEL** là xóa, ấn phím mềm **Abt** hay ESC là thoát ra không xóa.

12.5 Quản lý công việc

12.5.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Cannot Assign**

Nghĩa là: không thể đưa công việc hiện thời làm file khống chế.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình trước đây, chọn công việc khác.

12.5.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Create**

Nghĩa là: bộ nhớ trong không còn đủ để tạo công việc hay bản ghi điểm.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình quản lý việc, chọn công việc không cần nhớ dùng phím mềm **DEL** xóa bớt.

12.5.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Existing Job**

Nghĩa là: đã có việc mang tên này.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ và thay bằng tên khác.

12.5.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **MAX 32Jobs**

Nghĩa là: bộ nhớ hiện thời đã có tên 32 việc, không thể tạo thêm được tên mới.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình quản lý công việc. Chọn việc không cần thiết, dùng phím mềm **DEL** xóa bớt.

12.6 Đo theo chương trình khi ấn PRG

12.6.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: bạn chưa làm thao tác đặt trạm trước khi vào chức năng đo theo chương trình.

Làm như sau: ấn phím 2 hay phím mềm **Stn Setup** để thao tác đặt trạm. Ấn ESC thoát về màn hình cơ bản. Ấn phím 1 hay phím mềm **Continue** quay về menu chương trình.

12.6.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XY&Z coordinate are required**

Nghĩa là: khi thực hiện chức năng đo tính tìm điểm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đã biết cần nhập đủ tọa độ.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, nhập đủ thông số các tọa độ.

12.7 Khi ghi dữ liệu vào bộ nhớ

12.7.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DATA FULL**

Nghĩa là: bộ nhớ đầy.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình chính. Chọn việc không cần thiết để xóa thông qua MENU→Job, hay chọn bản ghi điểm không cần thiết để xóa thông qua MENU→Data, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ và phím mềm **DEL** xóa bớt.

12.7.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DUPLICATE PT**

Nghĩa là: khi nhập điểm bạn đã khai trùng tên với điểm hiện thời có trong bộ nhớ.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, đổi tên điểm.

12.7.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Duplicate PT**

Nghĩa là: khi nhập điểm bạn đã khai trùng tên với điểm hiện thời có trong bộ nhớ có thể thao tác đo lấy kết quả ghi đề.

Làm như sau: ấn phím ESC hay phím mềm **Abnt** quay về màn hình nhập điểm, ấn phím mềm **XYZ** ghi dữ liệu góc cạnh và tọa độ, ấn phím mềm **RAW** ghi dữ liệu góc cạnh.

12.7.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Open Job**

Nghĩa là: chưa mở ra một tên việc.

Làm như sau: ấn phím 1 hay chọn **Select job** mở danh sách tên việc hiện có trong bộ nhớ để chọn, ấn phím 2 hay **Create job** tạo tên việc mới, ấn phím ESC quay về màn hình trước đấy.

12.7.5 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: chưa thực hiện thao tác đặt trạm.

Làm như sau: ấn phím 1 hay chọn **Continue** mở bản ghi đặt trạm đã có và xác nhận lại hướng ngắm chuẩn, ấn phím 2 hay **STN Setup** thao tác đặt trạm, ấn phím ESC quay về màn hình trước đấy.

12.7.6 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **OVER RANGE**

Nghĩa là: ghi tọa độ dài quá 13 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ quay về màn hình trước đấy, kiểm tra tọa độ trạm hiện thời.

12.8 Khi tìm bản ghi điểm

12.8.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **PT Not Found**

Nghĩa là: không tìm được điểm phù hợp

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ quay về màn hình nhập tên, thao tác lại.

12.9 Khi thao tác cài đặt

12.9.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Job Settings will be changed**

Nghĩa là: Có ít nhất một trong các tham số cài đặt đã thay đổi

Làm như sau: nếu không muốn thay đổi ấn phím ESC hay chọn phím mềm **Abri**, nếu thay đổi ấn phím ENT hay chọn phím mềm **OK**.

12.10 Khi tìm điểm ngoài thực địa

12.10.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Input Error**

Nghĩa là: nhập sai tên điểm

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, thay đúng tên.

12.10.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: bạn chưa làm thao tác đặt trạm trước khi vào chức năng đo tìm điểm.

Làm như sau: ấn phím 2 hay phím mềm **Stn Setup** để thao tác đặt trạm. Ấn ESC thoát về màn hình cơ bản. Ấn phím 1 hay phím mềm **Continue** quay về menu chương trình.

12.11 Báo lỗi hệ thống

12.11 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **= System Error =**

Nghĩa là: sự cố máy, về phần cứng có thêm dòng số hiệu lỗi bên dưới

Làm như sau: dừng làm việc, ghi chi tiết hoàn cảnh xuất hiện lỗi, gửi về cơ sở sửa chữa.

12.12 Nếu máy dùng thẻ nhớ CF hay USB

12.12.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No ext. memory**

Nghĩa là: không ghi dữ liệu vào thẻ được.

Làm như sau: xem ổ đã cắm thẻ chưa, kiểm tra thẻ có ở trạng thái chống ghi không.

12.12.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Memory shortage**

Nghĩa là: thẻ chứa quá nhiều file không cho phép ghi.

Làm như sau: cắm thẻ vào máy tính, xóa bớt file.

12.12.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **This file is not Job file**

Nghĩa là: file có trong thẻ không ở định dạng file Job (công việc).

Làm như sau: thao tác chọn đúng định dạng file.